

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 4569/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2025
trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh,

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 141/TTr-SGTVT ngày 23/12/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2025 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Bê tông hoá giao thông nông thôn

TT	Địa phương	Chiều dài loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		A	B	C	D			
1	An Lão	4,900	5,025	0,098	-	10,023	1.748,531	Chi tiết theo các Phụ lục từ I.01 - I.10 gửi kèm.
2	An Nhơn	-	14,222	0,871	1,066	16,159	2.343,601	
3	Hoài Ân	-	3,860	1,036	0,080	4,976	697,312	
4	Hoài Nhơn	1,855	26,742	16,551	11,429	56,577	6.955,725	
5	Phù Cát	2,770	5,073	1,931	0,564	10,338	1.555,852	
6	Phù Mỹ	0,403	14,173	24,256	0,936	39,768	4.674,103	
7	Tây Sơn	0,890	8,339	5,268	0,253	14,750	1.982,817	
8	Tuy Phước	2,339	5,244	2,631	0,999	11,213	1.598,583	
9	Vân Canh	0,501	2,613	-	-	3,114	498,987	
10	Vĩnh Thạnh	1,300	3,080	-	-	4,380	728,640	
11	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
Tổng cộng		14,958	88,371	52,642	15,327	171,298	22.784,151	

Đối với các tuyến đường GTNT đường xã, trục chính xã đăng ký danh mục đầu tư xây dựng với quy mô đường GTNT loại A và các tuyến đường GTNT từ trung tâm xã đến các làng, thôn, bản ở các xã có đồng bào dân tộc

thiểu số, địa hình bị chia cắt, phức tạp thuộc các huyện miền núi của tỉnh được xem xét hỗ trợ thêm kinh phí (*ngoài phần xi măng tỉnh hỗ trợ*) phải đảm bảo đầy đủ theo các tiêu chí yêu cầu của Chương trình bê tông hóa GTNT, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và các danh mục tuyến đường này phải được Đoàn kiểm tra liên ngành (*Sở GTVT, Sở Tài chính, Sở Xây dựng...*) kiểm tra, xác nhận và tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định theo đúng quy định.

2. Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường GTNT bị hư hỏng

TT	Địa phương	Đường huyện	Đường xã	Loại A	Loại B	Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	An Lão	2,700	5,870	-	-	8,570	2.607,480	Chi tiết theo các Phụ lục từ II.01 - II.110 gửi kèm.
2	An Nhơn	-	1,700	-	-	1,700	273,700	
3	Hoài Ân	-	-	-	0,500	0,500	76,500	
4	Hoài Nhơn	-	20,428	-	6,069	26,497	5.255,122	
5	Phù Cát	-	0,933	-	0,710	1,643	438,912	
6	Phù Mỹ	-	35,008	3,556	2,518	41,082	8.508,763	
7	Tây Sơn	-	1,650	3,270	1,571	6,491	1.153,473	
8	Tuy Phước	-	-	0,400	0,847	1,247	208,791	
9	Vân Canh	-	1,480	-	-	1,480	238,280	
10	Vĩnh Thạnh	-	13,500	-	-	13,500	3.643,400	Không đăng ký
11	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng		2,700	80,569	7,226	12,215	102,710	22.374,421	

Đối với đường huyện hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đạt quy mô đường cấp VI (bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, chiều dày 22cm, mác bê tông 300 daN/cm²); đối với đường xã hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đạt quy mô đường cấp VI (bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, chiều dày 20cm, mác bê tông 300 daN/cm²); đối với các tuyến đường GTNT loại A hỗ trợ xi măng sửa chữa mặt đường bị hư hỏng có bề rộng $B_m=3,5m$, chiều dày 20cm, mác bê tông 250 daN/cm²; đối với các tuyến đường GTNT loại B hỗ trợ sửa chữa mặt đường bị hư hỏng có bề rộng $B_m=3,0m$, chiều dày 18cm, mác bê tông 250 daN/cm².

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND các huyện, thị xã bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo UBND cấp xã (*Chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương*) tổ chức thực hiện theo đúng quy định trong công tác đầu tư xây dựng về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2025 ở địa phương đảm bảo theo kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Giao Sở Giao thông vận tải:

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã kiểm tra, soát xét kỹ danh mục các tuyến đường xã, trực chính xã đủ điều kiện hỗ trợ

theo Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b. Chủ trì, phối hợp các ngành hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các địa phương theo quy định hiện hành; báo cáo định kỳ hàng Quý cho UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19. (M.30b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I.01: AN LÃO

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN AN LÃO
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	XÃ AN HÒA			2,223	0,000	2,125	0,098	0,000
*	<i>Thôn Xuân Phong Bắc</i>							
1	Tuyến từ nhà ông Ánh đến giáp đường bê tông hiện trạng vào trường mầm non An Hòa	Nhà ông Ánh	Giáp ngã ba đường bê tông hiện trạng			0,060		
*	<i>Thôn Trà Cong</i>							
2	Tuyến từ vườn ông Đẹp đến nghĩa địa Trà Cong	Vườn nhà ông Đẹp	nghĩa địa Trà Cong			0,180		
3	Tuyến từ ĐT629 đến ruộng Rộc	Từ ĐT629	Ruộng Rộc			0,095		
4	Tuyến từ Miếu đến vườn ông Thái	Từ miếu	Vườn nhà ông Thái			0,480		
5	Tuyến từ cây vải đến soi mướn	Từ cây vải	Soi mướn			0,180		
*	<i>Thôn Vạn Xuân</i>							
6	Tuyến từ nhà bà Thạnh tới nhà ông Thi	Nhà bà Thạnh	Nhà ông Thi				0,098	
*	<i>Thôn Vạn Khánh</i>							
7	Đường BTXM vào Khu dân cư vườn Duyên	Giáp đường liên thôn Vạn Khánh - Vạn Xuân	Cuối khu dân cư			0,530		
*	<i>Thôn Xuân Phong Nam</i>							
8	Đường BTXM vào Khu dân cư Cây Khế	Giáp đường bê tông hiện trạng	Cuối khu dân cư			0,600		
II	XÃ AN HƯNG			3,900	2,600	1,300	0,000	0,000
1	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khu giãn dân thôn 1, thôn 4	Đường thôn	Nhà ông Giáp		0,700			
2	BTH tuyến nội bộ các thôn	5B	Hộ dân		0,500			
3	Bê tông hoá đường nội đồng các thôn 3,5	5B	Suối			0,300		
4	Bê tông hoá đường nội đồng các thôn 1	Nhà dân	Đồng Bốc			0,400		
5	Bê tông đường nội đồng đồng lớn thôn 4					0,300		
6	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 1 Tuyến từ Nhà bà Liêu đến Gò Rốc	5B	Đường BT		0,700			
7	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khu giãn dân thôn 4	Nhà ông Cường	Núi		0,700			
8	BTNT tuyến nội đồng thôn 1, thôn 2	Nhà dân	Ruộng			0,300		
III	XÃ AN TÂN			3,100	2,300	0,800	0,000	0,000
1	Đường nội bộ khu giãn dân thôn Gò Đồn	Đường Bê tông	Bể nước		1,000			
2	Đường bê tông giao thông từ đường 5B – Nghĩa địa thôn Thanh Sơn	Đường 5B	Nghĩa địa			0,500		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
3	Mở mới đường từ nhà ông Bình đến suối thôn Thanh Sơn	Nhà ông Bình	Suối		0,700			
4	Đường Bê tông từ trường Mầm non thôn Thanh Sơn – khu giãn dân Gò Núi Một	Trường Mầm non	Gò Núi Một		0,600			
5	Đường bê tông giao thông từ nhà ông Đôn – Soi thôn Thuận Hòa	Nhà ông Đôn	Soi			0,300		
IV	THỊ TRẤN AN LÃO			0,800	0,000	0,800	0,000	0,000
1	Đường bê tông nội đồng từ Hóc Xe đến Bò Đập	Đường BT	Bò Đập			0,800		
Tổng cộng :				10,023	4,900	5,025	0,098	0,000

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

10,023 Km

4,900 Km

5,025 Km

0,098 Km

0,000 Km

1.748,531 Tấn

970,200 Tấn

768,825 Tấn

9,506 Tấn

0,000 Tấn

PHỤ LỤC I.02: AN NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - THỊ XÃ AN NHƠN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	XÃ NHƠN AN			2,960	0,000	2,430	0,400	0,130
1	Bê tông GTLX từ nhà Lê Hữu Nghị đến nhà bà Nguyễn Thị Sương	Bê tông GTLX	Nguyễn Thị Sương			0,168		
2	Bê tông GTLX từ nhà ông Nguyễn Văn Dũng đến nhà bà Nguyễn Thị Hải; ông Cừ đến bà Bốn	Bê tông GTLX	Bà Bốn			0,102		
3	Tuyến đường BT Nghĩa Địa đến Gò Nà, từ ông Thái đến 631, Ông Nhâm đến 631	Bê tông Ngĩa địa	Đến 631			0,360		
4	Tuyến đường từ 631 đến nhà ông thừa,Từ Miếu đến ngõ Hạnh, ông Sang đến ông Mỹ, BT liên xóm đến nhà ông Thiệu	Đường 631	Nhà ông Thiệu			0,200		
5	Tuyến đường từ nhà ông Lại đến nhà ông Dân, BT liên xóm đến nhà Ông Phong	Từ Ông lại	Đến Ông Phong					0,130
6	Từ đường BT liên xóm đến nhà ông Phương	Bê tông liên xóm	Đến ông Phương				0,100	
7	Tuyến từ đường ĐT 631 đến nhà Huỳnh Thị Kim Đào, Thanh Liêm 1 đến Bờ Ngự Thủy, Thanh liêm 1 đến bà Hường	ĐT 631	Bà Hường			0,500		
8	Tuyến bê tông đội 4 đến Nghĩa địa, sân kho đội đội 5 đến ông Huệ, Ông Long đến bà Xuân, từ bê tông đến nhà bà Đào	Bê tông đội 4	Nhà Bà Đào			0,450		
9	Tuyến từ nhà Phan Quốc Sinh đến Chân Minh Dũng đến nhà ông Công	Nhà Phan Quốc Sinh	Nhà ông Dũng, ông Công				0,300	
10	Tuyến từ hoa viên chùa Long Đa đến nhà Phan Quốc Sinh	Hoa viên	Phan Quốc Sinh			0,150		
11	Tuyến bê tông từ ông Phương đến ông Quý, ông Tâm đến ông Bửu, từ ông Anh đến ông Xuyên	Từ Ông Phương	Đến ông Xuyên			0,500		
II	XÃ NHƠN PHONG			0,561	0,000	0,561	0,000	0,000
1	BTXM từ chợ Cảnh Hàng Mới đến nhà ông Trương Văn Cang	Chợ Cảnh Hàng Mới	Nhà ông Trương Văn Cang			0,087		
2	BTXM từ nhà ông Nguyễn Mười (Son) đến nhà ông Nguyễn Thanh La	Nhà ông Nguyễn Mười (Son)	Nhà ông Nguyễn Thanh La			0,260		
3	BTXM từ nhà ông Nguyễn Ngọc Minh đến nhà ông Phạm Ngọc Anh	Nhà ông Nguyễn Ngọc Minh	Nhà ông Phạm Ngọc Anh			0,061		
4	BTXM từ nhà ông Thân Hữu Bang đến nhà ông Cao Văn Tuỳ	Nhà ông Thân Hữu Bang	Nhà ông Cao Văn Tuỳ			0,040		
5	BTXM từ nhà ông Lê Văn Long đến nhà ông Trần Cao Sơn	Nhà ông Lê Văn Long	Nhà ôngTrần Cao Sơn			0,050		
6	BTXM từ nhà ông Hồ Hải đến nhà ông Nguyễn Xuân Cảnh	Nhà ông Hồ Hải	Nhà ông Nguyễn Xuân Cảnh			0,063		
III	XÃ NHƠN HẠNH			0,314	0,000	0,314	0,000	0,000
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông từ trường Mẫu giáo (Thái Xuân) đến Trường Tiểu Học (Thái Xuân)	Trường Mẫu Giáo, Thái Xuân	Trường Tiểu học, Thái Xuân			0,314		
IV	XÃ NHƠN PHÚC			1,736	0,000	1,736	0,000	0,000
1	Tuyến đường Giao thông nội đồng BTXM thôn Nhon Nghĩa Tây (Điểm đầu: ĐT 638 - Điểm Cuối: Gò Xíu)	ĐT 638	Gò Xíu			0,640		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
2	Tuyến đường Giao thông nội đồng BTXM thôn Thái Thuận (Điểm đầu: Nhà ông Cường - Điểm Cuối: Cây me)	Nhà ông Cường	Cây Me			0,360		
3	Tuyến đường Giao thông nội đồng BTXM thôn Thái Thuận (Điểm đầu: Điền Lý- Điểm cuối: Mương Ngang)	Điền Lý	Mương Ngang			0,135		
4	Tuyến đường Giao thông nội đồng BTXM thôn Phụ Ngọc (Điểm đầu: ĐT 636- Điểm cuối: Đường nội đồng Đám Quế , Cây Đông)	ĐT 636	Đám Quế, Cây Đông			0,130		
5	Tuyến đường Giao thông nội đồng BTXM thôn Nhơn Nghĩa Đông (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Văn Đức - Điểm cuối: Nay Tiên)	Nhà Hồ Văn Đức	Nay Tiên			0,370		
6	Tuyến đường Giao thông nội đồng BTXM thôn Nhơn Nghĩa Đông (Điểm đầu: Nhà ông Đặng Khách - Điểm cuối: Mương Ruồn)	Nhà Đặng Khách	Mương Ruồn			0,101		
V	XÃ NHƠN THỌ			0,874	0,000	0,874	0,000	0,000
1	BTXM tuyến đường từ Miếu Thọ Phước đến giáp Kênh N4 mới, xóm Thọ Phước	Từ mép bê tông Miếu Thọ Phước	Giáp Kênh N4 mới			0,694		
2	BTXM tuyến đường từ Kênh N4 đến giáp mép bê tông Trần Lỗ ổi, xóm Thọ Mỹ	Mép bê tông Kênh N4	Giáp mép bê tông Trần Lỗ ổi			0,180		
VI	XÃ NHƠN TÂN			3,161	0,000	3,161	0,000	0,000
1	Tuyến xóm Gò Sơn từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Lê Văn Thành	Đường bê tông	Ông Lê Văn Thành			0,100		
2	Tuyến bê tông xóm Gò Sơn đến nhà bà Châu Thị Thừa	Đường bê tông	Châu Thị Thừa			0,056		
3	Tuyến từ đường bê tông xóm Xuân Điền 2 đến nhà ông Trần Văn Tuấn	Đường bê tông	Nhà ông Trần Văn Tuấn			0,025		
4	Tuyến đường Xuân Điền 2 từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Ngọc Diệp	Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Ngọc Diệp			0,056		
5	Tuyến đường Xuân Điền 2 từ đường bê tông đến nhà bà Lê Thị Hoàng	Đường bê tông	Nhà bà Lê Thị Hoàng			0,100		
6	Tuyến đường Xuân Điền 2 từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Thanh Tùng	Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Thanh Tùng			0,055		
7	Tuyến đường Xuân Điền 1 từ đường bê tông đến nhà ông Lê Đình Mến Nguyễn Thanh Tùng	Đường bê tông	Nhà ông Lê Đình Mến			0,098		
8	Từ bê tông xóm Xuân Điền 1 đến nhà Mạc Thế Vinh	Đường bê tông	Nhà ông Mạc Thế Vinh			0,021		
9	Từ bê tông xóm Xuân Thạnh đến nhà ông Nguyễn Ngọc Bảy	Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Ngọc Bảy			0,080		
10	Từ bê tông xóm Xuân Thạnh đến nhà ông Trần Ngọc Nguyên	Đường bê tông	Nhà ông Trần Ngọc Nguyên			0,060		
11	Từ đường xóm Tân An nhà ông Bùi Hữu đến nhà ông Bùi Văn Đủ	Đường bê tông	Đến nhà ông Bùi Văn Đủ			0,150		
12	Từ đường xóm Tân An nhà ông Lương Văn Phùng nhà bà Tô Thị Loan	Đường bê tông	Nhà bà Tô Thị Loan			0,060		
13	Tuyến đường xóm Phúc Mới từ nhà ông Trần Văn Đôn đến giáp dựng Becamex	Đường bê tông nhà 5 Đôn	Đến giáp dựng Becamex			0,200		
14	Tuyến xóm Phúc Mới từ nhà ông Nguyễn Văn Phúc đến cánh đồng xóm Phúc Mới	Đường bê tông	Phúc đến cánh đồng xóm Phúc Mới			0,200		
15	Tuyến đường xóm Phúc Hậu từ nhà ông Hà Vĩnh Thạch đến đồng Phúc Hậu	Nhà ông Hà Vĩnh Thạch	Đến đồng Phúc Hậu			0,300		
16	Tuyến xóm An Tượng A từ nhà ông Nguyễn Văn Tuấn đến nhà ông Nguyễn Văn Tài	Nhà ông Nguyễn Văn Tuấn	Nhà ông Nguyễn Văn Tài			0,050		
17	Tuyến bê tông Phúc Hậu đến nhà ông Hà Văn Dũng	Đường bê tông	Nhà ông Hà Văn Dũng			0,050		
18	Tuyến đường ĐH 36 đến nhà ông Phạm Quận	Đường ĐH 36	Nhà ông Phạm Trung			0,060		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
19	Tuyến đường bê xóm Hòn Tượng A đến nhà ông Mai Hồng Anh	Đường bê tông xóm Hòn Tượng A	Nhà ông Mai Hồng Anh			0,070		
20	Tuyến đường từ kênh N2 đến nhà ông Bùi Ngọc Bích Phương	Đường bê tông xóm Hòn Tượng A	Nhà ông Mai Hồng Anh			0,200		
21	Tuyến từ be tông Hóc Cùng đến nhà ông Trần Văn Lập	Đường bê tông	Trần Văn Lập			0,120		
22	Tuyến từ be tông Đá Bàn đến đường rẽ nhà ông Phạm Văn Trị	Đường bê tông	Nhà ông Phạm Văn Trị			0,900		
23	Tuyến từ be tông Hóc Cùng đến nhà ông Huỳnh Kim Nhân	Đường bê tông	Huỳnh Kim Nhân			0,120		
24	Tuyến từ be tông Đá Bàn đến nhà bà Phạm Thị Dân	Đường bê tông	Phạm Thị Dân			0,030		
VII	XÃ NHƠN KHÁNH			1,884	0,000	1,884	0,000	0,000
1	Bê tông thôn An Hòa	Ngõ nhà Hà Văn Dũng	BT Mương Cấp I			0,172		
2	Bê tông thôn Quan Quang	Ngõ nhà Phan Văn Thọ	BT Mương Cấp I			0,100		
3	Bê tông thôn Quan Quang	Ngõ Nhà Lê Văn Phước	BT Mương Cấp I			0,155		
4	Bê tông xi măng nội đồng: Cầu Trường Cửu đến Mương tiêu xóm 8	Cầu Trường Cửu	Mương tiêu xóm 8			0,322		
5	Tuyến đường bê tông xi măng trước nhà Cù Lương Minh đến ngõ nhà bà Lê Thị Dư	Trước nhà Cù Lương Minh	Ngõ nhà bà Lê Thị Dư			0,880		
6	Bê tông xi măng đường nội đồng xóm 8 đến đường trục thôn Hiếu An	Đường nội đồng xóm 8	đường trục thôn Hiếu An			0,203		
7	Bê tông xi măng ĐT 636 đến Gò Giồng xóm 6	ĐT 636	Gò Giồng xóm 6			0,052		
VIII	XÃ NHƠN HẬU			2,086	0,000	1,438	0,471	0,177
1	Tiếp giáp BTXM- Chợ Bò (Thiết Trụ)	Tiếp giáp BTXM	Chợ Bò			0,278		
2	Nhà ông Long -Nhà ông Minh (Nam Nhạn Tháp)	Nhà ông Long	Nhà ông Minh				0,086	
3	Nhà ông Xí -Nhà ông Bình (Nam Nhạn Tháp)	Nhà ông Xí	Nhà ông Bình					0,045
4	Nhà Nguyễn Thị Mười - Nhà Lê Thị Hoà (Vân Sơn)	Nhà Nguyễn Thị Mười	Nhà Lê Thị Hoà					0,090
5	Tiếp giáp BTXM - Nhà Huỳnh Văn Chơn (Bắc Nhạn Tháp)	Tiếp giáp BTXM	Nhà Huỳnh Văn Chơn					0,042
6	Gò Nương - nhà Hồ Hữu Tuyến (Đại Hoà)	Gò Nương	Nhà Hồ Hữu Tuyến			0,050		
7	Gò Nương - Nhà Nguyễn Trung Hùng(Đại Hoà)	Gò Nương	Nhà Nguyễn Trung Hùng				0,150	
8	Gò má chùa - Nhà ông Như (Đại Hoà)	Gò Má Chùa	Nhà ông Như			0,050		
9	Gò má chùa - Nhà Bà Diễm (Đại Hoà)	Gò Má Chùa	Nhà Bà Diễm				0,050	
10	Tiếp giáp BTXM - Nhà ông Phương (Đại Hoà)	Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Phương			0,040		
11	Tiếp giáp BTXM - Nhà ông Tư (Đại Hoà)	Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Tư				0,035	
12	Tiếp giáp BTXM - Nhà ông Thức(Đại Hoà)	Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Thức			0,010		
13	BTXM đường nội đồng từ gò Duối đến cầu bà Âm	Gò Duối	Cầu Bà Âm			0,505		
14	BTXM đường nội đồng từ cầu Bến Gỗ đến nhà ông Cần	Cầu Bến Gỗ	Nhà ông Cần			0,275		
15	BTXM đường nội đồng từ nhà ông Việt đến nhà ông Bình	Nhà ông Việt	Nhà ông Bình			0,150		
16	Ngõ ông Bình - Ngõ Ông Trúc (Nam Tân)	Ngõ ông Bình	Ngõ ông Trúc				0,150	
17	Nhà ông Hà Văn Đồng - Nhà ông Nguyễn Kim Trọng (Nam Tân)	Nhà ông Hà Văn Đồng	Nhà ông Nguyễn Văn Trọng			0,080		
IX	PHƯỜNG ĐẠP ĐÁ			0,864	0,000	0,105	0,000	0,759
1	BTXM đường phụ Nguyễn Bá Huân, Đào Duy Từ	Nhà ông Thiệu (KV Tây PD)	Nhà ông Hương (KV Bắc PD)			0,105		
2	BTXM đường phụ Trần Quang Diệu, Nguyễn Lữ, Đô Đốc Bảo	Nhà ông Mười (KV Bắc PD)	Nhà bà Huệ (KV Mỹ Hòa)					0,759

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
X	PHƯỜNG NHƠN HOÀ			0,569	0,000	0,569	0,000	0,000
1	Nghĩa địa (QL19) đến Cty Đường bộ	Nghĩa địa (QL19)	Cty đường bộ			0,045		
	Đường BTXM đến nhà Ô. Châu Quốc Duy	Đường BTXM	Nhà Ô. Châu Quốc Duy			0,079		
	Đường BTXM đến nhà Ô. Nguyễn Đôn Chánh	Đường BTXM	Nhà Ông Nguyễn Đôn Chánh			0,045		
2	Vườn Hoang đến Tiêu Minh Vương	Vườn Hoang	Tiêu Minh Vương			0,400		
XII	PHƯỜNG NHƠN THÀNH			1,150	0,000	1,150	0,000	0,000
1	Đường BTXM xung quanh chợ Gò Găng	Nhà bà cảm	Nhà bà nhần			0,170		
2	BTXM giao thông nội đồng tuyến đường bờ bao sông Xanh	Đám ruộng ông Đào Mỹ	Vùng Thị Long			0,650		
3	BTXM GTNT từ đám ruộng ông Bùi Văn Chín đến đường BTXM hiện trạng	Đám ruộng ông Bùi Văn Chín	Đường BTXM đi chùa Phước Lộc			0,330		
Tổng cộng :				16,159	0,000	14,222	0,871	1,066

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:	16,159	Km
- Đường GTNT loại B:	0,000	Km
- Đường GTNT loại C:	14,222	Km
- Đường GTNT loại D:	0,871	Km
	1,066	Km

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km	2.343,601	Tấn
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km	0,000	Tấn
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km	2.175,966	Tấn
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km	84,487	Tấn
	83,148	Tấn

PHỤ LỤC I.03: HOÀI ÂN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN HOÀI ÂN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú
I	XÃ AN TÍN			1,036	0,000	0,000	1,036	0,000	
1	Tuyến từ đường BT đến nhà ông Á	Đường BT	Nhà ông Á				0,063		
2	Tuyến từ đường BT đến nhà ông B	Đường BT	Nhà ông B				0,059		
3	Tuyến từ đường BT đến nhà bà Lại	Đường BT	Nhà bà Lại				0,046		
4	Tuyến từ đường BT đến nhà ông Vinh	Đường BT	Nhà ông Vinh				0,143		
5	Tuyến từ đường BT đến nhà ông Huệ	Đường BT	Nhà ông Huệ				0,068		
6	Tuyến từ đường BT đến nhà ông Tường	Đường BT	Nhà ông Tường				0,047		
7	Tuyến từ đường BT đến nhà ông Truyền	Đường BT	Nhà ông Truyền				0,128		
8	Tuyến từ nhà ông Minh đến nhà ông Tâm	Nhà ông Minh	Nhà ông Tâm				0,072		
9	Tuyến từ nhà ông Phương đến nhà ông Cường	Nhà ông Phương	Nhà ông Cường				0,129		
10	Tuyến từ nhà ông Quy đến nhà ông Triều	Nhà ông Quy	Nhà ông Triều				0,155		
11	Tuyến từ đường BT đến nhà ông Thống	Đường BT	Nhà ông Thống				0,126		
II	XÃ AN HẢO TÂY			0,630	0,000	0,630	0,000	0,000	
1	Tuyến nhà cộng đồng thôn Tân Sơn đến bằng Sung	Nhà cộng đồng	Bằng Sung			0,630			
III	XÃ AN TƯỜNG ĐÔNG			3,310	0,000	3,230	0,000	0,080	
1	BTXM vào khu trồng cây ăn quả thôn Thạch Long 1 (đoạn từ vườn cây ăn quả ông Lữ Ngọc Quang đến khu trồng cây ăn quả kết hợp chăn nuôi)	Vườn cây ăn quả ông Lữ Ngọc Quang	Trang trại chăn nuôi gà			0,760			
2	BTXM đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Trí Tường	Nhà ông Thơ	Rẫy ông Đại			0,870			
3	BTXM từ nhà ông Kiên đến ruộng ông Sơn	Nhà ông Kiên	Ruộng ông Sơn			0,360			
4	BTXM đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Vĩnh Viễn	Nhà bà Ngọc	Nghĩa trang nhân dân			0,640			
5	BTXM đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Thạch Long 1, thôn Thạch Long 2	Đường BT	Nghĩa trang nhân dân			0,600			
6	BTXM từ đường BT đến nhà ông Đặng Quang Anh	Đường BT	Nhà ông Đặng Quang Anh					0,080	
Tổng cộng :				4,976	0,000	3,860	1,036	0,080	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

4,976 Km

0,000 Km

3,860 Km

1,036 Km

0,080 Km

697,312 Tấn

0,000 Tấn

590,580 Tấn

100,492 Tấn

6,240 Tấn

PHỤ LỤC I.04: HOÀI NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - THỊ XÃ HOÀI NHƠN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	PHƯỜNG BÔNG SƠN			2,774	0,000	0,000	0,284	2,490
1	Đường BTXM khu phố 2; hạng mục: Từ nhà ông Trữ đến nhà ông Hiền: 48m; từ nhà ông Minh đến nhà ông Phụng: 39m; từ đường Hoàng Minh Thảo đến nhà bà Kiệm, ông Linh, bà Dư: 145m;	Nhà ông Trữ, ông Minh, đường Hoàng Minh Thảo	Nhà ông Hiền, ông Phụng, ông Linh, bà Dư					0,232
2	Đường BTXM khu phố 5; hạng mục: tuyến từ nhà ông Cao đến nhà ông Ta: 100m; tuyến từ nhà ông Quốc đến nhà ông Khanh: 100m	nhà ông Cao, ông Quốc	nhà ông Ta, ông Khanh					0,200
3	Đường BTXM khu phố Phụ Đức; Hạng mục: Tuyến từ đường Biên Cương đến nhà bà tuyết: 80m; tuyến từ đường Biên Cương đến nhà ông Thời: 51m	Đường Biên Cương	nhà bà Tuyết, nhà ông Thời					0,131
4	Đường BTXM khu phố Trung Lương; hạng mục: tuyến từ nhà ông Đỗ đến nhà ông Bé: 100m, tuyến từ nhà ông Niêm đến nhà ông Cang: 55m, tuyến từ nhà ông Tim đến nhà ông Vinh: 54m. tuyến nhà bà Linh đến nhà bà Tuyết: 80m	nhà ông Đỗ, ông Niêm, ông Tim, bà Linh	ông Bé, ông Cang, ông Vinh, bà Tuyết				0,284	
5	Đường BTXM khu phố Thiết Đỉnh Nam; hạng mục: Tuyến nhà ông Song - ông Tiên; ông Cô - ông Siêng; ông Hạt - ông Bi; ông Hượt - ông Hiệp và ông Lọt ông Xứng; ông Hy - ông ngư; ông rân - ông thìn; bà thung - ông Tấn; ông Dụ - bà Diễm; ông Hưng - ông Hàng	Tuyến nhà ông Song; ông Cô; ông Hạt; ông Hượt, ông Lọt; ông Hy; ông rân; bà thung; ông Dụ; ông Hưng	ông Tiên; ông Siêng; ông Bi; ông Hiệp, ông Xứng; ông ngư; ông thìn; ông Tấn; bà Diễm; ông Hàng					1,077
6	Đường BTXM khu phố Thiết Đỉnh Bắc; hạng mục: tuyến nhà ông Lâm - bà Có; ông Qui - ông Như; ông Ân - ông loan; ông Văn - ông Nghiêu bà Đào; đường Mai Dương - ông Tiếp; đường Đồng Khởi - ông Nghiệp	ông Lâm; ông Qui; ông Ân; ông Văn; đường Mai Dương; đường Đồng Khởi	bà Có; ông Như; ông loan; ông Nghiêu bà Đào; ông Tiếp; ông Nghiệp					0,850
II	XÃ HOÀI CHÂU BẮC			3,290	0,000	3,290	0,000	0,000
1	Tuyến từ ngã 3 ra đập ông Khéo đến nhà bà Hương	Ngã 3	nhà bà Hương			0,990		
2	Đường lên chùa Tịnh viên	Ngã 3 hồ	Cổng nước			0,300		
3	Đường bê tông Làng Hoa thôn Gia An Nam	Cửa hàng xăng dầu	Ngõ Trang			2,000		
III	XÃ HOÀI CHÂU			3,205	0,000	3,146	0,000	0,059
1	Tuyến đường từ Ao Biên đến giáp đường ranh giới 2 xã	Ao Biên	Trần Tịch			1,063		
2	Tuyến đường ngõ Tùng - Mương 3-11	Ngõ Tùng	Mương 3-11			0,427		
	Tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Tân Trung - Chùa cây Thị	Nhà văn hóa thôn	Chùa cây Thị			0,211		
	Tuyến đường từ ngõ Tín - Ngõ Bình	Ngõ Tín	Ngõ Bình			0,428		
	Tuyến đường từ Tân Trung, Hội An - Giáp đường nghĩa địa	Đường Tân Trng, Hội An	Đường nghĩa địa			0,815		
	Tuyến đường ngõ Phương đến đường Phụng Du- Túy Sơn	Đường Phụng Du- Túy Sơn	Ngõ Phương					0,059
3	Tuyến đường ngõ Cảnh - Ngõ Giời	Ngõ Cảnh	Ngõ Giời			0,202		
IV	PHƯỜNG HOÀI ĐỨC			2,042	0,000	1,480	0,562	0,000
1	Đường giao thông khu phố Lại Khánh	nhà ông Trần Quốc Tuấn	nhà ông Trần Quang Mỹ			0,232		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
2	Đường vào Nghĩa địa	Đường Tôn Thất Tùng	Rẫy ông Hồ Xuân Cúc			0,421		
3	Đường bê tông khu phố Lại Đức	Từ đường Tôn Thất Tùng	Miếu tổ 4			0,600		
4	Đường nội đồng Diên Khánh đi Lại Đức	nhà ông Đặng Nhó	nhà ông Nguyễn Chi				0,562	
5	Đường nội đồng khu phố Bình Chương Nam	ruộng ông Nguyễn Ngọc Lực	ruộng ông Trần Thợ			0,227		
V	XÃ HOÀI HẢI			0,115	0,000	0,115	0,000	0,000
1	Tuyến đường xóm thôn Kim Gioa Thiện: từ nhà ông Phạm Truyền đến ông Kịt 85m, từ nhà ông Cường đi ra biển 30m	Nhà ông Truyền	Nhà Ông Kịt			0,115		
VI	PHƯỜNG HOÀI HẢO			5,432	0,000	5,432	0,000	0,000
1	Tuyến đường giáp bê tông - nhà Thềm	Bê tông	nhà Thềm			0,480		
2	tuyến đường Giáp đường Nguyễn Văn Cừ - Thành	Nguyễn Văn Cừ	nhà Thành			0,654		
3	Tuyến đường giáp bê tông - nhà Cửa	Bê tông	nhà cửa			0,420		
4	Tuyến đường giáp bê tông - Ngõ Trung	Bê tông	Ngõ Trung			0,533		
5	Tuyến đường giáp bê tông - Ngõ Trung	Bê tông	Nhà Quốc			0,572		
6	Tuyến đường giáp bê tông - Ngõ Biết, Ngọc cường, ngõ xuân, ngõ Lê, ngõ dững, ngõ Huy	Bê tông	Ngõ Biết, Ngọc cường, ngõ xuân, ngõ Lê, ngõ dững, ngõ Huy			0,587		
7	Tuyến từ nhà Hải - nhà Thu	nhà Hải	Nhà Thu			0,230		
8	Tuyến từ nhà Sang - nhà Minh	Nhà Sang	Nhà minh			0,756		
9	Tuyến giáp bê tông đến ruộng thí	Bê tông	Ruộng thí			1,200		
VII	PHƯỜNG HOÀI HƯƠNG			3,154	0,040	1,700	0,258	1,156
1	Tuyến đường từ nhà Huỳnh Thị Hoa đến nhà Phan Trí	Nhà Huỳnh Thị Hoa	Nhà Phan Trí					0,175
2	Tuyến từ nhà Nguyễn Hồng Thuỷ đến nhà Phạm Văn Sáu	Nhà Nguyễn Hồng Thuỷ	Nhà Phạm Văn Sáu					0,145
3	Tuyến từ nhà ông Trần Minh Hiệp đến nhà Lý Thị Thiên	Nhà Trần Minh Hiệp	Nhà Lý Thị Thiên		0,040			
4	Tuyến từ nhà Võ Văn Xuân đến nhà ông Trần Văn Ngọc	Nhà Võ Văn Xuân	nhà Trần Văn Ngọc				0,038	
5	Tuyến đường từ nhà Cao Thị Nhựt đến nhà Lê Xuân Hiết	Nhà Cao Thị Nhựt	Nhà Lê Xuân Hiết					0,078
6	Tuyến từ Trường Nguyễn Du đến nhà ông Lê Văn Tiên	Trường Nguyễn Du	Nhà Lê Văn Tiên			0,750		
7	Tuyến từ Hồ Chúc nhà ông Đặng Ni đến nhà ông Nguyễn Thanh Ghi	Nhà ông Đặng Ni	Nhà ông Ghi			0,950		
8	Tuyến từ nhà ông Trần Thanh Hạng đến nhà ông Trần Văn Bảy	Nhà ông Trần Thanh Hạng	Nhà ông Trần Văn Bảy					0,161
9	Tuyến đường từ nhà ông Lê Bảo đến nhà Nguyễn Văn Quang	Nhà ông Lê Bảo	Nhà ông Nguyễn Văn Quang					0,122
10	Tuyến từ nhà ông Lê Thanh Thuỷ đến nhà Nguyễn Anh Đào	Nhà Ông Lê Thanh Thuỷ	nhà Nguyễn Anh Đào				0,220	
11	Tuyến từ nhà Nguyễn Nhân đến nhà ông Phạm Hồng Nối	Nhà ông Nguyễn Nhân	Nhà ông Phạm Hồng Nối					0,165
12	Tuyến từ nhà ông Lê Thanh Tình đến nhà ông Trần Quang Diện và các nhánh rẽ	Nhà ông Lê Thanh Tình	Nhà Trần Quang Diện					0,310
VIII	XÃ HOÀI MỸ			3,170	0,000	1,605	1,305	0,260
1	BTXM liên gia, liên xóm từ ngõ Nhân đến Đình Làng thôn An Nghiệp	Ngõ Nhân	Đình Làng				0,055	
2	BTXM liên gia, liên xóm từ nhà Sứ đến nhà Huệ thôn Lộ Diêu	nhà Sứ	nhà Huệ					0,260
3	BTXM liên gia tuyến từ ngõ Thanh - ngõ Đa thôn Định Trị	Ngõ Thanh	ngõ Đa			0,075		
4	BTXM liên gia tuyến từ nhà ông Phạm Công đến nhà bà Mượt thôn Phú Xuân	nhà ông Công	nhà bà Mượt				0,035	
5	BTXM liên xóm tuyến từ đường ĐT 639 đến trang trại ông Ngọc thôn Phú Xuân	ĐT 639	ông Ngọc			0,140		
6	BTXM tuyến đường từ rẫy Phê đến Hóc Lùng thôn Định Trị	Rẫy Phê	Hóc Lùng			0,680		
7	BTXM nội đồng tuyến từ nhà Du đến đường liên xã thôn Định Công	nhà Du	đường liên xã			0,710		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
8	BTXM liên xóm tuyến từ nhà ông Dây đến nhà ông Suốt thôn Định Công	ông Dây	ông Suốt				0,110	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà Trúc đến nhà Thịnh thôn An Nghiệp	nhà Trúc	nhà Thịnh				0,185	
10	BTXM nội đồng tuyến từ nhà Sinh đến nhà Đa thôn Định Trị	nhà Sinh	nhà Đa				0,920	
IX	XÃ HOÀI SƠN			6,627	0,422	0,802	5,233	0,170
1	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn An Đỗ (Ngõ Nhàn - Chuồng Trâu)	Ngõ Nhàn	Chuồng Trâu			0,500		
2	Tuyến đường bê tông thôn An Hội Bắc (Ngõ Tường - Suối)	Ngõ Tường	Suối			0,200		
3	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn An Hội (Ngõ Trần, suối Phú nông - Ngõ Thạch, Ruộng Cung)	Ngõ Trần, suối Phú nông	Ngõ Thạch, Ruộng Cung				0,700	
4	Tuyến đường bê tông nội đồng (Bản Tin - Ruộng Bình)	Bản tin	Ruộng Bình				0,400	
5	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn Phú Nông (Ngõ Tạo, Ngõ Kha, Ngõ Thân, Cải Tạo - Ngõ Lên, Lò Ngói)	Ngõ Tạo, Ngõ Kha, Ngõ Thân, Cải Tạo	Ngõ Lên, Lò Ngói				0,650	
6	Tuyến đường nội đồng thôn Hy Tường (Đường 4 - Đồng Tấn Lương)	Đường 4	Đồng Tấn Lương				0,500	
7	Tuyến đường nội đồng thôn Hy Tường (Ngõ Cầu, Ngõ Sắn, Ngõ Bình, Ba Cọc - Ngõ Oai, ngõ Chút)	Ngõ Cầu, Ngõ Sắn, Ngõ Bình, ba Cọc	Ngõ Oai, ngõ Chút				0,600	
8	Tuyến đường bê tông thôn Túy Sơn (Cầu Liễu - Nghĩa Địa)	Cầu Liễu	Nghĩa Địa				0,400	
9	Tuyến bê tông nội đồng thôn Hy Văn (Ruộng phú - Ruộng Lại)	Ruộng phú	Ruộng Lại				0,300	
10	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn Tường Sơn (Cầu giữa - Cầu Vượt)	Cầu giữa	Cầu Vượt				0,543	
11	Tuyến bê tông đoạn từ Ngõ Cược - Bờ tràn	Ngõ Cược	Bờ tràn				0,240	
12	Tuyến bê tông nội đồng thôn Túy Thanh (Ngõ Phong, ngõ Tường - Ngõ Lê, suối mới)	Ngõ Phong, ngõ Tường	Ngõ Lê, suối mới				0,900	
13	Tuyến bê tông đoạn từ Suối Vàng đến Rẫy Nông	Suối vàng	Rẫy Nông		0,422			
14	Tuyến bê tông phía bắc chợ Hoài Sơn	Ngõ Thánh	Ngõ Diệp			0,102		
15	Tuyến bê tông thôn Cán Hậu, An Đỗ	Cán Hậu	An Đỗ					0,170
X	PHƯỜNG HOÀI THANH TÂY			0,462	0,000	0,150	0,072	0,240
1	Tuyến đường từ nhà ông Hồ Quyết đến nhà bà Bùi Thị Lai, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Hồ Quyết	Nhà Bùi Thị Lai					0,050
2	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Tiến đến nhà bà Nguyễn Thị Bình, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Nguyễn Văn Tiến	Nhà Nguyễn Thị Bình					0,045
3	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Trung đến đường Nguyễn Văn Trỗi, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Nguyễn Văn Trung	Đường Nguyễn Văn Trỗi					0,045
4	Tuyến đường từ nhà Phạm Văn Chính đến nhà Võ Văn Chờ, khu phố Tài Lương 2	Nhà Phạm Văn Chính	Nhà Võ Văn Chờ					0,05
5	Tuyến đường từ nhà Lê Thị Ái đến nhà Phan Anh Bạ, khu phố Tài Lương 2	Nhà Lê Thị Ái	Nhà Phan Anh Bạ			0,150		
6	Tuyến đường từ nhà Phùng Thị Đại đến nhà Phùng Văn Hiếu, khu phố Tài Lương 2	Nhà Phùng Thị Đại	Nhà Phùng Văn Hiếu					0,05
7	Tuyến đường từ đường Đoàn Tinh đến nhà Võ Ngũ, khu phố Ngọc An Tây	Đường Đoàn Tinh	Nhà Võ Ngũ				0,072	
XI	PHƯỜNG HOÀI XUÂN			4,204	0,000	4,204	0,000	0,000
1	Tuyến đường từ nhà Thượng đến giáp bê tông Chang đồng bé	Nhà Thượng	Chang đồng bé			0,215		
2	Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến Nhà Hóa	Đường Trường Chinh	Nhà Hóa			0,480		
3	Tuyến đường từ ruộng Thân đến giáp ruộng Song Khánh	Ruộng Thân	Ruộng Song Khánh			0,375		
4	Tuyến đường từ đường nhựa TT2 đến Trường Mẫu giáo	Đường nhựa TT2	Trường Mẫu giáo			0,530		
5	Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến nhà Nguyễn Công Dưỡng	Đường Trường Chinh	Nhà Nguyễn Công Dưỡng			0,158		
6	Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến nhà Liên	Đường Trường Chinh	Nhà Liên			0,058		
7	Tuyến đường từ nhà Lê Thiệp đến nhà Nguyễn Thị Chi	Là Lê Thiệp	Nhà Nguyễn Thị Chi			0,047		
8	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Thị Nở đến Miếu Xóm 3	Nhà Nguyễn Thị Nở	Miếu Xóm 3			0,077		
9	Tuyến đường từ nhà Đạo đến giáp đường Nguyễn Hữu An	Nhà Đạo	Đường Nguyễn Hữu An			0,545		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
10	Tuyến đường từ nhà Hồ Quốc Dũng đến nhà Nguyễn Văn Ngừ	Nhà Hồ Quốc Dũng	Nhà Nguyễn Văn Ngừ			0,095		
11	Tuyến đường từ nhà Trần Đình Tươi đến nhà Trần Xuân Hải	Nhà Trần Đình Tươi	Nhà Trần Xuân Hải			0,058		
12	Tuyến đường từ nhà Tâm đến mương Bút	Nhà Tâm	Mương Bút			0,380		
13	Tuyến đường từ nhà Ngưỡng đến nhà Vinh (Võ Trường Toàn)	Nhà Ngưỡng	Nhà Vinh			0,132		
14	Tuyến đường từ đường Võ Trường Toàn đến nhà Phan Văn Chu	Đường Võ Trường Toàn	Phan Văn Chu			0,046		
15	Tuyến đường từ nhà Đặng Văn Nở đến nhà Giỏi	Nhà Đặng Văn Nở	Nhà Giỏi			0,062		
16	Tuyến đường từ nhà máy gạo Minh đến nhà Liễn	Nhà máy gạo Minh	Nhà Liễn			0,119		
17	Tuyến đường từ nhà Phước đến nhà Lê Thị Nhựt	Nhà Phước	Nhà Lê Thị Nhựt			0,076		
18	Tuyến đường từ nhà Hiệu đến nhà Dũng	Nhà Hiệu	Nhà Dũng			0,113		
19	Tuyến đường từ nhà Hùng đến nhà Đến	Nhà Hùng	Nhà Đến			0,071		
20	Tuyến đường từ nhà Minh đến nhà Câu	Nhà Minh	Nhà Câu			0,073		
21	Tuyến đường từ nhà Ngân đến nhà Thu	Nhà Ngân	Nhà Thu			0,060		
22	Tuyến đường từ nhà Tình đến nhà Phường	Nhà Tình	Nhà Phường			0,076		
23	Tuyến đường từ nhà Thâm đến bờ kè	Nhà Thâm	Bờ kè			0,070		
24	Tuyến đường từ nhà Trí đến Miếu	Nhà Trí	Miếu			0,085		
25	Tuyến đường từ Trường Chinh đến nhà Hiền	Đường Trường Chinh	Nhà Hiền			0,031		
26	Tuyến đường từ nhà Trung đến bờ kè	Nhà Trung	Bờ kè			0,070		
27	Tuyến đường từ nhà Luận đến bờ kè	Nhà Luận	Bờ kè			0,029		
28	Tuyến đường từ nhà Quốc đến Nhà Hoàng	Nhà Quốc	Nhà Hoàng			0,042		
29	Tuyến đường từ nhà Nhiệm đến nhà Lưu	Nhà Nhiệm	Nhà Lưu			0,031		
XII	PHƯỜNG TAM QUAN BẮC			3,652	0,478	0,057	1,877	1,240
1	Bê tông GTNT các khu phố Trường Xuân (loại B)	Trường tiểu học	Nhà Thành			0,057		
2	Bê tông GTNT các khu phố Trường Xuân (loại C)	Nhà ông Trường, Nhà ông Ngọc	Nhà Lê Xuân, Nhà Nguyễn Tài				0,738	
3	Bê tông GTNT các khu phố Trường Xuân (loại D)	Nhà Lê Nghệ, Nhà ông Thành	Nhà Nguyễn Thị Đanh, nhà La Điều					0,438
4	Bê tông GTNT khu phố Công Thạnh (loại C)	Nhà ông Bạ, Nhà bà Hạc, Nghĩa địa R. Mây, Nhà ông Lợi	Nhà ông Kiêm, Nguyễn Thông, NĐ Rừng Mây Giáp Bê tông				0,441	
5	Bê tông GTNT khu phố Công Thạnh (loại D)	Nhà ông Liêm, Trần Thị Nghiệm, Phan Thị Nhân Tài, Đường BT, Đường BT	Nhà Văn, Trương Thị Nơ, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Công Thọ, Đường Lê Đông					0,339
6	Bê tông GTNT khu phố Đình Thạnh	Võ Minh Hà	Mai Xuân Tài				0,127	
7	Bê tông GTNT các khu phố Tân Thành (loại C)	Nhà Tăng Thành Kiên	Nhà Văn Xuân Trung				0,243	
8	Bê tông GTNT các khu phố Tân Thành (loại D)	Nhà Trần Thị Chi, Đỗ Hữu Đến, Nguyễn Văn Tá, Hà Thị Á	Giáp BT, Đỗ Thanh Nhiên, Phùng Tấn Toàn, Hà Thị Diệu Hiền					0,433
9	Bê tông GTNT các khu phố Thiện Chánh (loại C)	Từ trường MG, Huỳnh Văn Phú, Ngô Hải, Nguyễn Chèo	Bãi biển, Lê Đợi, Lê Văn Đạn, Huỳnh Văn Sang				0,328	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
10	Bê tông GTNT các khu phố Thiện Chánh (loại D)	Võ Nguyên Giáp	Trường tiểu học					0,030
11	Tuyến đường Trần Quốc Toàn (từ nhà bà Hoa đến giáp Nguyễn Thị Minh Khai)	Từ nhà bà Hoa	Giáp Nguyễn Thị Minh Khai		0,478			
XIII	PHƯỜNG TAM QUAN NAM			3,100	0,642	0,030	1,065	1,363
1	Từ nhà bà Thái đến ông Tự	Bà Thái	Ông Tự				0,078	
2	Tuyến trước ông Na trước nhà ông Thiên, Tuyến Gò đến bà Mẫn	Ông Na	Bà Mẫn				0,151	
3	Tuyến đường Nguyễn Xuân Nhĩ	Nguyễn Xuân Nhĩ	Nguyễn Xuân Nhĩ				0,020	
4	Tuyến Cầu Bà Cừ đến nhà Bà Độ	Cầu bà Cừ	Bà Độ					0,061
5	Tuyến nhà ông Chớ đến ông Cúc	Ông Chớ	Ông Cúc					0,053
6	Tuyến nhà Bà Trâm đến ông Nha	Bà Trâm	Ông Nha					0,033
7	Tuyến nhà ông Liêm đến ông Quát	Ông Liêm	Ông Quát					0,055
8	Tuyến đường Cao Thắng đến nhà ông Ngát	Đường Cao Thắng	Ông Ngát					0,033
9	Tuyến Mai Xuân Thường đến nhà ông Chử	Mai Xuân Thường	Ông Chử				0,050	
10	Từ nhà ông Lân đến ông Trú	Ông Lân	Ông Trú				0,137	
11	Từ nhà Bà Vân đến Bà Diễm	Bà Vân	Bà Diễm				0,045	
12	Từ nhà ông Tới đến ông Quanh	Ông Tới	Ông Quanh				0,134	
13	Từ nhà bà Lan đến nhà Bà Quý	Bà Lan	Bà Quý				0,060	
14	Tuyến nhà ông Bảo đến nhà bà Hoà	Ông Bảo	Bà Hòa				0,058	
15	Tuyến Sau nhà Lưu Niệm đến đường Tôn Chất	Nhà Lưu Niệm	Đường Tôn Chất					0,067
16	Từ nhà ông Dân đến ông Hùng	Ông Dân	Ông Hùng			0,030		
17	Đỗ Hữu Mẫn đến nhà Nguyễn Đăng	Ông Mẫn	Ông Đăng					0,124
18	Nguyễn Văn Tú đến Nguyễn Thị Hoảng	Ông Tú	Bà Hoảng					0,150
19	Nguyễn Thị Phú đến Nguyễn Thị Sáu	Bà Phú	Bà Sáu				0,032	
20	Nguyễn Văn Cẩn đến Đinh Thị Sáu	Ông Cẩn	Bà Sáu				0,090	
21	Vườn Liêm đến nhà Nguyễn Thị Việt	Vườn Liêm	Bà Việt					0,082
22	Lê Ta đến Hồ Thị Hoa	Ông Ta	Bà Hoa					0,060
23	Huỳnh Xuân Tê đến Huỳnh Xuân Mơ	Ông Tê	Ông Mơ					0,070
24	Phạm Văn Phú đến Nguyễn Thị Rợ	Ông Phú	Bà Rợ				0,060	
25	Tuyến từ nhà ông Tánh đến công vào Lãng	Ông Tánh	Lãng				0,150	
26	Tuyến nhà Bà Lãnh đến đường bê tông hiện trạng (nhánh rẽ kết nối)	Bà Lãnh	Đường bê tông					0,370
27	Tuyến từ nhà ông Tám đến ông Nghinh	Ông Tám	Ông Ninh					0,110
28	Tuyến từ nhà bà Long đến ông Hường	Bà Long	Ông Hường					0,045
29	Tuyến từ nhà ông Chính đến nhà ông Ngọc	Ông Chính	Ông Ngọc					0,050
30	Ngã 4 Phạm Hùng đến nhà ông Non	Ngã 4 Phạm Hùng	Ông Non		0,122			
31	Từ ĐT 639 đến Lãng Vạn Lợi	ĐT 639	Lãng Vạn Lợi		0,103			
32	Từ Ngã 3 Châu Phương ra Biển	Châu Phương	Giáp biển		0,147			
33	Từ ĐT 639 đến Quán Ngọc Thao	ĐT 639	Ngọc Thao		0,120			
34	Từ ĐT 639 đến ngõ 756 Võ Nguyên Giáp	ĐT.639	Võ Nguyên Giáp		0,150			
XIV	PHƯỜNG HOÀI THANH			9,923	0,273	0,443	4,883	4,324
1	Tuyến nhà Thông - giáp Thái Lai (Hoài Xuân)	nhà Thông	Thái Lai (Hoài Xuân)				0,600	
2	Tuyến nhà Mạnh - nhà Mẫn	nhà Mạnh	nhà Mẫn					0,096
3	Tuyến nhà Chính - An Định 2	nhà Chính	An Định 2					0,274
4	Tuyến kênh N2 - nhà Dô	kênh N2	nhà Dô					0,085

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
5	Tuyến bình điện - soi xe nổi dài	soi xe	đường Trần Cao Vân				0,466	
6	Tuyến ngõ chợ - nhà Đạo	ngõ chợ	nhà Đạo				0,028	
7	Tuyến ngõ Quân - soi xe	ngõ Quân	soi xe					0,161
8	Tuyến ngõ Nhậm - ngõ Sánh	ngõ Nhậm	ngõ Sánh					0,070
9	Tuyến đường Tân Đà - nghĩa địa	đường Tân Đà	nghĩa địa				0,334	
10	Tuyến nhà Lưu - nhà Thọ	nhà Lưu	nhà Thọ					0,283
11	Tuyến nhà Tùng - nhà Canh	nhà Tùng	nhà Canh					0,121
12	Tuyến nhà Tron - nhà Sách	nhà Tron	nhà Sách					0,060
13	Tuyến ngõ Lý - nhà Vọt	ngõ Lý	nhà Vọt					0,093
14	Tuyến ngõ Mới - nhà Phước	ngõ Mới	nhà Phước					0,067
15	Tuyến ngõ Trọng - nhà Niên	ngõ Trọng	nhà Niên					0,056
16	Tuyến nhà Cảnh - nhà Hoa	nhà Cảnh	nhà Hoa					0,224
17	Tuyến nhà Long - nhà Khương	nhà Long	nhà Khương					0,140
18	Tuyến nhà Vệ - nhà Hùng	nhà Vệ	nhà Hùng					0,101
19	Tuyến nhà Hạnh - bình điện An Lộc	nhà Hạnh	bình điện An Lộc				0,310	
20	Tuyến nhà Lệ - nhà Địa	nhà Lệ	nhà Địa					0,221
21	Tuyến nhà Dũng - nhà Hiền	nhà Dũng	nhà Hiền				0,199	
22	Tuyến nhà Lê Trước - nhà Tui	nhà Lê Trước	nhà Tui				0,130	
23	Tuyến đường giáp bê tông - nghĩa địa Gò Gai	giáp bê tông	nghĩa địa Gò Gai				0,270	
24	Tuyến nhà Thuận - nhà Du	nhà Thuận	nhà Du					0,140
25	Tuyến nhà Nông - nhà Đều	nhà Nông	nhà Đều				0,210	
26	Tuyến nhà Đinh - nhà Triều	nhà Đinh	nhà Triều				0,120	
27	Tuyến nhà Nhân - nhà Diệu	nhà Nhân	nhà Diệu					0,168
28	Tuyến nhà Đù - nhà Sơn	nhà Đù	nhà Sơn					0,182
29	Tuyến nhà Ngọc - nhà Trung	nhà Ngọc	nhà Trung					0,160
30	Tuyến nhà Trọng - nhà Đáng	nhà Trọng	nhà Đáng				0,088	
31	Tuyến nhà Tiên - nhà Luận	nhà Tiên	nhà Luận					0,097
32	Tuyến nhà Bồn - ngã tư Bà Triệu	nhà Bồn	ngã tư Bà Triệu				0,325	
33	Tuyến nhà May - gò A	nhà May	gò A				0,140	
34	Tuyến nhà Đốc - nhà Mãi	nhà Đốc	nhà Mãi				0,040	
35	Tuyến nhà Cầu - nhà Tứ	nhà Cầu	nhà Tứ				0,145	
36	Tuyến nhà Hoàng - nhà Luận	nhà Hoàng	nhà Luận				0,095	
37	Tuyến nhà Kỳ - nhà Lân	nhà Kỳ	nhà Lân					0,118
38	Tuyến nhà Sen - nhà Nguyên	nhà Sen	nhà Nguyên				0,445	
39	Tuyến nhà Tư - đường Nguyễn Thị Định	nhà Tư	đường Nguyễn Thị Định					0,150
40	Tuyến nhà Hiếu - nhà Sanh	nhà Hiếu	nhà Sanh				0,180	
41	Tuyến nhà Bảy - ngõ Vân	nhà Bảy	ngõ Vân					0,070
42	Tuyến nhà ông Trinh - nhà ông Sáu	nhà ông Trinh	nhà ông Sáu					0,077
43	Tuyến nhà Tụ - nghĩa địa gò hộ	nhà Tụ	nghĩa địa gò hộ					0,411
44	Tuyến ao cây quăn - nhà Phòng	ao cây quăn	nhà Phòng					0,186
45	Tuyến nhà Lợi - nhà Nhiên	nhà Lợi	nhà Nhiên					0,185
46	Tuyến nhà Dưỡng - nhà Nghĩa	nhà Dưỡng	nhà Nghĩa					0,083

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
47	Tuyến nhà Đức - nhà Xí	nhà Đức	nhà Xí					0,180
48	Tuyến nhà Hiếu - giáp đường Nguyễn Thị Định	nhà Hiếu	đường Nguyễn Thị Định					0,065
49	Tuyến ngõ Đông - ngõ Trung	ngõ Đông	ngõ Trung				0,201	
50	Tuyến ngõ Hùng - giáp đường Võ Nguyên Giáp	ngõ Hùng	đường Võ Nguyên Giáp				0,210	
51	Tuyến ngõ Tứ - ngõ Bích	ngõ Tứ	ngõ Bích				0,180	
52	Tuyến ngõ Ly - ngõ Uẩn	ngõ Ly	ngõ Uẩn				0,067	
53	Tuyến ngã 3 nhà Thor - Vạn Tân An	ngã 3 nhà Thor	Vạn Tân An			0,270		
54	Tuyến bình điện Lâm Trúc 2 - Bầu Lưới	bình điện Lâm Trúc 2	Bầu Lưới				0,100	
55	Tuyến đường trục chính KDC khu phố An Lộc 1 (đoạn từ đường Nguyễn Thái Học - nhà Cồn)	đường Nguyễn Thái Học	nhà Cồn		0,273			
56	Tuyến đường trục phụ KDC khu phố An Lộc 1 (đoạn từ nhà Lối - nhà Cồn)	nhà Lối	nhà Cồn			0,173		
XV	XÃ HOÀI PHÚ			1,639	0,000	0,770	0,742	0,127
1	Tuyến ngõ Bình đến ngõ Đạm (xóm 4)	Ngõ Bình	Ngõ Đạm			0,124		
2	Tuyến Đập Bà Đá đến ngõ Hiền ngõ A (xóm 5)	Đập Bà Đá	ngõ Hiền, ngõ A			0,106		
3	Tuyến từ ngõ Phê đến ngõ Nhẫn (xóm 5)	Ngõ Phê	Ngõ Nhẫn				0,296	
4	Tuyến ngõ Nhẫn đến ngõ Nhâm (Xóm 5)	ngõ Nhẫn	Ngõ Nhâm					0,127
5	Tuyến từ đường bê tông đến ngõ Truyền (xóm 16)	Đường chính	Ngõ Truyền				0,160	
6	Tuyến ngõ Sơn đi ngõ Mẫn (xóm 10)	ngõ Sơn	Ngõ Mẫn				0,151	
7	Tuyến từ ngõ Minh đến ngõ Phúc	ngõ Minh	Ngõ Phúc				0,135	
8	Bê tông từ trạm y tế đến ngõ Dũng	Trạm y tế	ngõ Dũng			0,540		
XVI	PHƯỜNG TAM QUAN			3,788	0,000	3,518	0,270	0,000
1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Trí đến nhà bà Nhiệm và nhánh rẽ đến nhà ông Hải (khu phố 1)	nhà ông Hải	nhà ông Trí			0,840		
2	BTXM tuyến từ nhà ông Thảo đến mương N62 (khu phố 1)	nhà ông Thảo	mương N62			0,265		
3	BTXM tuyến đường từ đường Lê Văn Lương đến nhà ông Huệ (khu phố 2)	đường Lê Văn Lương	nhà ông Huệ			0,430		
4	BTXM tuyến đường từ nhà ông Đức đến đường Lý Thường Kiệt (khu phố 4)	nhà ông Đức	đường Lý Thường Kiệt			0,120		
5	BTXM tuyến đường từ đường Âu Lạc (nhà Phan Hoàng) đến đường Ngô Văn Sở (khu phố 4)	đường Âu Lạc	đường Ngô Văn Sở				0,270	
6	BTXM tuyến đường từ nhà ông Bé đến đường Nguyễn Hữu Thọ (khu phố 5)	nhà ông Bé	đường Nguyễn Hữu Thọ			0,300		
7	BTXM tuyến đường từ trại gỗ ông Tình đến trường Tiểu học số 1 (khu phố 7)	trại gỗ ông Tình	trường TH số 1			0,360		
8	BTXM tuyến đường từ đường Nguyễn Chí Thanh (nhà ông Bình) đến đường Chu Văn An. (khu phố 7)	Nhà ông Bình	đường Chu Văn An			0,130		
9	BTXM tuyến đường từ đường tránh 3/2 đến suối An Hào (khu phố 8)	đường tránh 3/2	suối An Hào			0,210		
10	BTXM tuyến đường từ hồ tôm ông Sơn đến nhà bà Ca (khu phố 9)	hồ tôm ông Sơn	Nhà bà Ca			0,250		
11	BTXM tuyến đường từ đường Trần Thủ Độ đến nhà ông Tường (khu phố 9)	đường Trần Thủ Độ	nhà ông Tường			0,500		
12	BTXM tuyến đường từ đường 26/3 đến hết đất bà Hồ Thị Lộc (khu phố 8)	đường 26/3	đất bà Hồ Thị Lộc			0,113		
Tổng cộng :				56,577	1,855	26,742	16,551	11,429

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:

- Đường GTNT loại B:

56,577 Km

1,855 Km

26,742 Km

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
	- Đường GTNT loại C:			16,551	Km			
	- Đường GTNT loại D:			11,429	Km			
	2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:			6.955,725	Tấn			
	- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km			367,290	Tấn			
	- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km			4.091,526	Tấn			
	- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km			1.605,447	Tấn			
	- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km			891,462	Tấn			

PHỤ LỤC I.05: PHÙ CÁT

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 20254 - HUYỆN PHÙ CÁT
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú
I	XÃ CÁT TÀI			1,297	0,000	0,675	0,582	0,040	
1	Từ nhà Nguyễn Kiệt đến nhà Nguyễn Thị Khanh	Nguyễn Kiệt	Nguyễn Thị Khanh					0,040	
2	ĐT633 đến sân vận động Hoà Hiệp	ĐT633	Sân vận động			0,060			
3	Đường chợ Gò Muồng đến Lê Thị Phụng	Đường chợ Gò Muồng	Lê Thị Phụng			0,048			
4	Đường số 7 đến Võ Văn Bích	Đường số 7	Võ Văn Bích			0,022			
5	Đường bê tông Ngô Văn Tiến đến Ngô Văn Phụng	Đường Ngô Văn Tiến	Ngô Văn Phụng				0,050		
6	Đường vào Nghĩa Trang đến Nguyễn Hồng Tuấn	Đườngvào Nghĩa trang	Nguyễn Hồng Tuấn			0,080			
7	Từ cầu Sa Na đến Gò Cát	Cầu Sa Na	Gò Cát				0,190		
8	Đường nghĩa địa Gò Dê	Bê tông	Ngĩa địa Gò Dê			0,135			
9	Trạm điện Chánh Danh đến giáp đường Danh An	Trạm điện Chánh Danh	Đường Danh An			0,300			
10	Bê tông đến Hồ Thính	Bê tông	Hồ Thính				0,030		
11	Bê tông đến Bùi Hải	Bê tông	Bùi Hải				0,152		
12	Bê tông đến Nguyễn Thị Hà	Bê tông	Nguyễn Thị Hà				0,030		
13	Huỳnh Thúc Khả đến Nguyễn Thanh Vinh	Huỳnh Thúc Khả	Nguyễn Thanh Vinh				0,110		
14	Từ bê tông Nguyễn Công Thích đến Lưu Phước Hùng	Nguyễn Công Thích	Lưu Phước Hùng				0,020		
15	Từ Đặng Thị Trinh đến Nguyễn Đình Chính	Đặng Thị Trinh	Nguyễn Đình Chính			0,030			
II	XÃ CÁT SƠN			1,677	0,000	0,790	0,659	0,228	
1	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Sự xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Sự				0,019		
2	Từ đường BT nhà bà Phượng đến nhà bà Nhị xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà bà Phượng	Nhà bà Nhị				0,041		
3	Từ đường BT nhà bà Xuân đến nhà ông Chung xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà bà Xuân	Nhà ông Chung				0,069		
4	Từ đường BT nhà ông Đức đến nhà ông Sang xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà ông Đức	Nhà ông Sang					0,026	
5	Từ đường BT nhà ông Hòa đến nhà ông Chánh xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường BT nhà ông Hòa	Nhà ông Chánh					0,021	
6	Từ đường ĐT 634 đến nhà bà Mau xóm Sơn Tuyền Nam	Từ đường ĐT 634	Nhà bà Mau				0,042		
7	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Vinh xóm Sơn Tuyền Nam	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Vinh				0,075		
8	Từ đường BT nhà ông Mận đến nhà ông Dũng xóm Sơn Tự	Từ đường BT nhà ông Mận	Nhà ông Dũng					0,044	
9	Từ đường BT nhà ông Tam đến nhà ông Bình xóm Sơn Tự	Từ đường BT nhà ông Tam	Nhà ông Bình				0,051		
10	Từ đường ĐT 634 đến nhà bà Từ xóm Sơn Minh	Từ đường ĐT 634	Nhà bà Từ			0,066			
11	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Đặng Đức Hoàng xóm Sơn Minh	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Đặng Đức Hoàng					0,062	
12	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Thành xóm Sơn Văn	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Thành				0,046		
13	Đường Cầu Nước Nai (đoạn từ ĐT 634 đến nương NC)	Từ đường ĐT 634	Mương NC			0,521			
14	Đường từ bê tông Sơn Lạc Đông đến nhà bà Trần Thị Tiên	Từ bê tông Sơn Lạc Đông	Nhà bà Trần Thị Tiên			0,141			
15	Đường bê tông Sơn Nguyên	Cuối bê tông Sơn Nguyên	ngã ba nhà ông Lê Trọng Quang			0,062			
16	Từ đường BT nhà ông Thuận đến nhà ông Chung xóm Sơn Lân Đông	Từ đường BT nhà ông Thuận	Nhà ông Chung				0,034		
17	Từ đường BT đến nhà ông Long và bà Oanh xóm Sơn Lân Đông	Từ đường BT	Nhà ông Long và bà Oanh				0,099		
18	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Nguyễn Mộng Hùng xóm Sơn Long Trung	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Nguyễn Mộng Hùng					0,075	
19	Từ đường BT đến nhà ông Linh xóm Sơn Lân Đông	Từ đường BT	Nhà ông Linh				0,033		
20	Từ đường BT đến nhà bà Vân xóm Sơn Lân Đông	Từ đường BT	Nhà bà Vân				0,066		
21	Từ đường BT nhà ông Lành đến nhà ông Sanh xóm Sơn Mã	Từ đường BT nhà ông Lành	Nhà ông Sanh				0,036		
22	Từ đường BT nhà ông Giàu đến nhà ông Dư xóm Sơn Quy	Từ đường BT nhà ông Giàu	Nhà ông Dư				0,048		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú
III	XÃ CÁT HẢI			0,088	0,000	0,088	0,000	0,000	
1	Tuyến đường từ ĐT.639 đến giáp đường bê tông xi măng nhà Nhanh	Đường ĐT 639	Đường BTXM			0,028			
2	Tuyến đường từ ĐT.639 đến Đá trái xóm 1	Đường ĐT 639	Đá Trái			0,060			
IV	XÃ CÁT HIỆP			3,006	0,000	2,020	0,690	0,296	
1	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Dốc đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Văn Dốc	Đường bê tông					0,046	
2	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Văn Ngọc đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Văn Ngọc	Đường bê tông			0,110			
3	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Thanh Tuấn đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Thanh Tuấn	Đường bê tông			0,105			
4	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Văn Ích đi đường bê tông	Nhà Trần Văn Ích	Đường bê tông			0,060			
5	Đường BTXM tuyến từ trại heo Nhất Vinh đi đường bê tông	Trại heo Nhất Vinh	Đường bê tông			1,500			
6	Đường BTXM tuyến từ nhà Hà Văn Dũng đi đường bê tông	Nhà Hà Văn Dũng	Đường bê tông				0,300		
7	Đường BTXM tuyến từ nhà Trương Thị Thanh đi đường bê tông	Nhà Trương Thị Thanh	Đường bê tông				0,120		
8	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Xuân Cang đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Xuân Cang	Đường bê tông				0,040		
9	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Văn Dầu đi đường bê tông	Nhà Trần Văn Dầu	Đường bê tông				0,230		
10	Đường BTXM tuyến từ nhà Võ Thị Minh Trúc đi đường bê tông	Nhà Võ Thị Minh Trúc	Đường bê tông					0,050	
11	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Văn Hát Hiệp Đức đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Văn Hát Hiệp Đức	Đường bê tông					0,200	
12	Đường BTXM tuyến từ trước nhà Nguyễn Văn Cả đi đường bê tông	Trước nhà Nguyễn Văn Cả	Đường bê tông			0,245			
V	XÃ CÁT THẮNG			2,170	2,170	0,000	0,000	0,000	
1	Đường bê tông GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ cống Điều tiết 4 – Xóm 8 thôn Long Hậu	Cống Điều tiết 4	Xóm 8 thôn Long Hậu		0,600				
2	Nâng cấp mở Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà ông Nguyễn Văn Linh - cầu Đông cũ	Nhà ông Nguyễn Văn Linh	Cầu Đông cũ		0,350				
3	Nâng cấp mở rộng đường BTXM GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ Ngõ Khánh - nhà Nguyễn Công	Ngõ Khánh	Nhà Nguyễn Công		0,500				
4	Nâng cấp mở rộng đường BTXM GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ Cống mương Nam lão Tâm đến nhà Tin	Cống mương Nam lão Tâm	Nhà Tin		0,420				
5	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: Từ Vũ Ga - nhà Xuân Tỳ	Vũ Ga	Nhà Xuân Tỳ		0,300				
VI	XÃ CÁT TÂN			0,700	0,000	0,700	0,000	0,000	
1	Đường bê tông xi măng thôn Bình Đức	Công viên	Nhà ông Thuyết			0,500			
2	Đường bê tông xi măng thôn Bình Đức	Nhà ông Thanh	Nhà ông Khánh			0,050			
3	Đường bê tông xi măng thôn Kiều Huyền	Nhà ông Thịnh	Nhà bà Quyền			0,150			
VII	XÃ CÁT HÙNG			1,400	0,600	0,800	0,000	0,000	
1	Đường BTXM giao thông nội đồng; Tuyến bờ Sông Sa	Khẩu bờ Huynh	Giáp xã Cát Nhon			0,800			
2	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn phía đông trụ sở công an xã	Đường Trục xã	Khu dân cư Thôn Mỹ Long		0,600				
Tổng cộng :				10,338	2,770	5,0725	1,931	0,564	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

10,338 Km

2,770 Km

5,073 Km

1,931 Km

0,564 Km

1.555,852 Tấn

548,460 Tấn

776,093 Tấn

187,307 Tấn

43,992 Tấn

PHỤ LỤC I.06: PHÙ MỸ

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN PHÙ MỸ
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	XÃ MỸ LỢI			0,503	0,403	0,100	0,000	0,000
1	Tuyến đường GTNB KDC thôn Chánh Khoan Nam (tuyến NB6)	Tuyến NB2	Tuyến D3		0,124			
	Tuyến đường GTNB KDC thôn Chánh Khoan Nam (tuyến NB5)	Tuyến NB2	Tuyến D3		0,133			
	Tuyến đường GTNB KDC thôn Chánh Khoan Nam (tuyến NB1)	Tuyến N4	Tuyến NB6		0,146			
2	Tuyến đường gom KDC Cầu Tánh	Lô 1	Lô 15			0,100		
II	XÃ MỸ THÀNH			0,898	0,000	0,725	0,067	0,106
1	BTXM từ Cầu Cao đến nhà ông Sơn	Cầu Cao	Nhà ông Sơn			0,565		
2	BTXM từ nhà bà Thảo đến nhà ông Tước	Nhà bà Thảo	Nhà ông Tước			0,160		
3	BTXM ngõ xóm thôn Xuân Bình Bắc (Đoạn 1: Từ nhà ông Phú đến nhà ông Danh; Đoạn 2: Từ nhà bà Huân đến nhà ông Thân)							0,056
4	BTXM từ nhà ông Nhân đến nhà ông Danh	Nhà ông Nhân	Nhà ông Danh					0,050
5	BTXM từ nhà ông Chèo đến bờ kè	Nhà ông Chèo	Bờ kè				0,067	
III	THỊ TRẤN BÌNH DƯƠNG			0,415	0,000	0,000	0,415	0,000
1	BTXM giao thông nội đồng Khu phố Dương Liễu Bắc							
a	Đoạn 1: Từ Lỗ Ô đến Đập Quang	Lỗ Ô	Đập Quang				0,195	
b	Đoạn 2: Từ Càng Đám Miếu đến Đập Mới	Càng Đám Miếu	Đập Mới				0,220	
IV	XÃ MỸ QUANG			2,287	0,000	2,287	0,000	0,000
1	BTXM tuyến đường từ Trụ sở thôn Trung Thành 3 đến nhà ông Thành	Trụ sở thôn	Nhà ông Thành			0,519		
2	BTXM tuyến đường từ ĐT.632 đến nhà ông Hoa thôn Trung Thành 1	ĐT.632	Nhà ông Hoa			0,158		
3	BTXM tuyến đường từ ĐT.632 đến nhà ông Long thôn Trung Thành 1	ĐT.632	Nhà ông Long			0,278		
4	BTXM tuyến đường từ nhà ông Phúc đến nhà ông Toàn thôn Bình Trị	Nhà ông Phúc	Nhà ông Toàn			0,372		
5	BTXM tuyến đường từ nhà ông Vinh đến nhà ông Cát thôn Tường An	Nhà ông Vinh	Nhà ông Cát			0,246		
6	BTXM tuyến đường từ nhà ông Sáng đến nhà ông Lộc	Nhà ông Sáng	Nhà ông Lộc			0,417		
7	BTXM từ Cầu Suối Bình Trị đến khu dân cư xét giao	Cầu suối Bình Trị	Khu dân cư xét giao			0,110		
8	BTXM các tuyến đường nội bộ khu dân cư trước Trường THCS Mỹ Quang	Đường BTXM	Suối			0,187		
V	XÃ MỸ THẮNG			0,033	0,000	0,033	0,000	0,000
1	BTXM tuyến đường từ Bưu điện đến ruộng ông Vương	Bưu điện	Ruộng ông Vương			0,033		
VI	XÃ MỸ THO			2,495	0,000	0,510	1,985	0,000
1	BTXM tuyến đường từ Trường Mẫu giáo Chánh Đạo đi đội 10 thôn Cát Tường	Trường Mẫu giáo Chánh Đạo	Nhà ông Lan				0,698	
2	BTXM tuyến đường từ nhà ông Phan đi đồng Lò Gạch (Chánh Tường)	Nhà ông Phan	Ruộng ông Thơm				0,455	
3	BTXM tuyến đường từ Lò Rèn đi Miếu (Chánh Trạch 3)	Nhà ông Thơ	Miếu Chánh Trạch 3				0,576	
4	BTXM tuyến đường từ nhà ông Cầm đến nhà bà Thủy (Chánh Trạch 1)	Nhà ông Cầm	Nhà bà Thủy			0,510		
5	BTXM tuyến đường từ NVH thôn Đại Lương đến cầu Phong	NVH thôn Đại Lương	Cầu Phong				0,256	
VII	XÃ MỸ HIỆP			4,220	0,000	0,750	3,470	0,000
1	Đường BTXM nội đồng thôn Bình Long	Nhà ông Thanh	Ruộng ông Bộ				1,070	
2	Đường BTXM nội đồng Ở Ong thôn Đại Thuận	Cầu Lỗ Dừng	Suối Kiêu Duyên				1,200	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
3	Đường BTXM từ nhà ông Cảnh đến cổng Nghĩa trang nhân dân thôn Trà Bình Tây	Nhà ông Cảnh	ĐT.638				0,750	
4	Đường BTXM đi Nghĩa trang nhân dân thôn Vạn Thiện và nhánh rẽ							
4.1	<i>Đoạn 1: Từ nhà ông Dũng đi Nghĩa trang nhân dân thôn Vạn Thiện</i>	Nhà ông Dũng	Nghĩa trang nhân dân			0,750		
4.2	<i>Đoạn 2: Từ đường nội đồng Đá Vàng đi đồng Lam</i>	Đường BTXM	Ruộng ông Đạt				0,450	
VIII	XÃ MỸ TÀI			1,140	0,000	0,780	0,360	0,000
1	BTXM tuyến đường từ Nhà văn hóa thôn Vạn Ninh 1 đi giáp đường Dẹo Hòn Than đi Vạn Thái	Nhà văn hóa thôn Vạn Nnh 1	Đường Dẹo Hòn Than đi Vạn Thái			0,668		
2	BTXM tuyến từ đường BT liên xóm đến đình Lê Đình Lý	Đường BT xóm	Đình Lê Đình Lý			0,112		
3	BTXM tuyến từ ngõ ông Phan Ngung đến ngõ ông Nguyễn Xuân Có	Ngõ ông Phan Ngung	Ngõ ông Nguyễn Xuân Có				0,360	
IX	XÃ MỸ CÁT			0,978	0,000	0,680	0,185	0,113
1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Cúc đến nhà bà Kiệm thôn Trinh Long Khánh	Nhà ông Cúc	Nhà bà Kiệm					0,113
2	BTXM tuyến đường từ nhà bà Nhung đến nhà ông Phê, thôn An Mỹ	Nhà bà Nhung	Nhà ông Phê				0,033	
3	BTXM tuyến đường từ Trường THCS Mỹ Cát đến nhà ông Liễu thôn Trinh Long Khánh	Trường THCS Mỹ Cát	Nhà ông Liễu				0,038	
4	BTXM tuyến đường từ nhà ông Tường đến nhà ông Tùng thôn Chánh Hội	Nhà ông Tường	Nhà ông Tùng				0,026	
5	BTXM tuyến đường từ nhà ông Vương đến nhà bà Thu Nghĩa	Nhà ông Vương	Nhà bà Thu Nghĩa				0,065	
6	BTXM tuyến đường từ đường BTXM đến nhà ông Thanh thôn An Mỹ	Đường BTXM	Nhà ông Thanh				0,023	
7	Đường BTXM GTNĐ từ ngã tư nhà Lụa đến cổng Đỗ Tuấn	Ngã tư nhà Lụa	Cổng Đỗ Tuấn			0,450		
8	Đường BTXM GTNĐ từ nhà 4 Hải đến đê sông	Nhà 4 Hải	Đê sông			0,230		
X	XÃ MỸ CHÂU			2,447	-	0,675	1,772	-
1	BTXM tuyến từ nhà ông Thừa đến nhà bà Huệ	Nhà ông Thừa	Nhà bà Huệ				0,050	
2	BTXM tuyến từ nhà ông Xảo đến nhà ông Tường	Nhà ông Xảo	Nhà ông Tường				0,050	
3	BTXM tuyến từ Hóc Đen đến Hóc Thị	Hóc Đen	Hóc Thị				0,350	
4	BTXM tuyến từ QL.1 đến giáp ruộng Đồng Lau	QL.1	Đồng Lau				0,100	
5	BTXM từ đường bê tông thôn Lộc Thái đến nhà bà Trần Thị Chớ	Đường bê tông thôn Lộc Thái	Nhà bà Trần Thị Chớ				0,080	
6	BTXM từ ngã ba nhà ông Hồ Đăng đến nhà ông Đặng Minh Trung	Nhà ông Hồ Đăng	Nhà ông Đặng Minh Trung				0,070	
7	BTXM từ nhà Nguyễn Lại đến nhà bà Liên	Nhà ông Nguyễn Lại	Nhà bà Liên				0,090	
8	BTXM từ nhà ông Đặng Văn Hiếu đến nhà ông Trần Văn Hiếu	Đặng Văn Hiếu	Trần Văn Hiếu				0,200	
9	BTXM từ đường liên thôn đến nhà ông Tùng	Đường liên thôn	Nhà ông Tùng				0,025	
10	BTXM từ nhà ông Thanh đến nhà ông Mến	nhà ông Thanh	nhà ông Mến				0,055	
11	BTXM từ nhà ông Bích đến nhà ông Minh	Nhà ông Bích	Nhà ông Minh				0,032	
12	BTXM từ nhà ông Tài đến nhà ông Kính	Nhà ông Tài	Nhà ông Kính			0,025		
13	BTXM từ đường sắt đến trại bò ông Tôn	Đường sắt	Trại bò ông Tôn				0,400	
14	BTXM từ đường bê tông đội 9 đến giáp đường nội đồng xã Mỹ Lộc	Đường bê tông đội 9	Đường nội đồng xã Mỹ Lộc			0,260		
15	BTXM từ cầu Sắt đến đường bê tông đi đồng Lim	Cầu Sắt	Đường bê tông đi đồng Lim			0,390		
16	BTXM từ nhà ông Hiếu đến nhà ông Phạm Cường	nhà ông Hiếu	nhà ông Phạm Cường				0,120	
17	BTXM từ nhà ông Long đến nhà ông Nhân	nhà ông Long	nhà ông Nhân				0,090	
18	BTXM từ nhà ông Thế đến nhà ông Đặng Văn Anh	nhà ông Thế	nhà ông Đặng Thế Anh				0,060	
XI	XÃ MỸ TRINH			4,375	0,000	2,274	2,101	0,000
1	BTXM các tuyến đường giao thông thôn Lạc Sơn							
a	<i>Đoạn 1: tuyến từ nhà ông Nguyễn Sơn đi nhà ông Hoàng Liêu</i>	nhà ông Nguyễn Sơn	nhà ông Hoàng Liêu			0,485		
b	<i>Đoạn 2: tuyến từ nhà ông Nguyễn Chí Cường đi Vườn Chuối</i>	nhà ông Nguyễn Chí Cường	Vườn Chuối			0,336		
2	BTXM tuyến từ ngã ba nhà ông Kỳ đi vô Hóc qua Truông thôn Trung Hội	ngã ba nhà ông Kỳ	Hóc qua Truông				1,096	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
3	BTXM các tuyến đường giao thông thôn Trinh Văn Bắc							
a	Đoạn 1: tuyến từ nhà 4 Diện đi sân bóng Gò Cây	nhà 4 Diện	sân bóng Gò Cây			0,217		
b	Đoạn 2: tuyến nhà bà 10 Siêu đi nghĩa địa	nhà bà 10 Siêu	nghĩa địa			0,140		
c	Đoạn 3: tuyến nhà bà Tâm đi nhà ông Hồ Ngọc Hải	nhà bà Tâm	nhà ông Hồ Ngọc Hải			0,063		
d	Đoạn 4: tuyến nhà ông Đào đi nhà ông 4 Thiện	nhà ông Đào	nhà ông 4 Thiện			0,046		
e	Đoạn 5: tuyến nhà bà Trần Thị Trâm đi nhà Lê Thị Thủy	nhà bà Trần Thị Trâm	nhà Lê Thị Thủy			0,043		
4	BTXM các tuyến đường giao thông thôn Trục Đạo							
a	Đoạn 1: tuyến nhà ông Chánh đi nghĩa địa xóm Tân Trục	nhà ông Chánh	nghĩa địa xóm Tân Trục				0,217	
b	Đoạn 2: tuyến nhà bà Hương B đi gò chợ	nhà bà Hương B	Gò Chợ				0,265	
c	Đoạn 3: tuyến nhà ông 8 Long đi nghĩa địa xóm Tân Phúc 1	nhà ông 8 Long	nghĩa địa Tân Phúc 1				0,255	
5	BTXM tuyến nhà bà Bùi Thị Xuân đi chùa Giác Hoa thôn trục Đạo	Nhà bà Bùi Thị Xuân	Chùa Giác Hoa			0,475		
6	BTXM tuyến nhà ông Tuy đi đất Thổ Thuyền thôn Trung Bình	Nhà ông Tuy	Đất Thổ Thuyền			0,106		
7	BTXM tuyến nội đoạn Rộc Cây Da đi đất thổ thôn Trung Bình	đoạn Rộc Cây Da	đất Thổ				0,093	
8	BTXM các tuyến đường giao thông thôn Trà Lương							
a	Đoạn 1: tuyến từ cổng chào đi nhà ông Đào Ngọc Thành	cổng chào	nhà ông Đào Ngọc Thành				0,104	
b	Đoạn 2: tuyến nhà ông Nguyễn Văn Cơ đi nhà ông Trương Ngọc Thành	nhà ông Nguyễn Văn Cơ	nhà ông Trương Ngọc Thành				0,071	
9	BTXM tuyến từ nhà ông Phong đi giáp đường đi thao trường bắn	Nhà ông Phong	Giáp đường đi thao trường bắn			0,363		
XII	XÃ MỸ LỘC			1,813	0,000	0,000	1,613	0,200
1	BTXM GTND tuyến từ nhà ông Chương đến Đập Ký	Nhà ông Chương	Đập Ký				0,368	
2	BTXM GTND tuyến từ nhà ông Danh đến Gò Chùa Vĩnh Long	nhà ông Danh	Gò Chùa				0,630	
3	BTXM GTND tuyến từ nhà ông Vương đến giáp đường BTXM đi thị trấn Bình Dương	Nhà ông Vương	Giáp đường BTXM đi TT BD				0,502	
4	BTXM từ nhà ông Hiếu đến Đồng Rộng	Nhà ông Hiếu	Đồng Rộng					0,200
5	BTXM từ nhà Thầy Cường đến Nhà ông Lễ	Nhà Thầy Cường	Nhà ông Lễ				0,113	
XIII	XÃ MỸ CHÁNH TÂY			6,020	0,000	0,696	5,124	0,200
1	BTXM từ nhà văn hóa thôn Trung Tường đi Vườn Hoạt	Nhà văn hóa Trung Tường	Vườn Hoạt				0,580	
2	BTXM tuyến từ nhà ông Hương đi Mã Đài	Nhà ông Hương	Mã Đài				0,330	
3	BTXM tuyến từ nhà 6 Mỹ đi nhà ông Trình	Nhà 6 Mỹ	Nhà ông Trình			0,176		
4	BTXM tuyến từ nhà 6 Rí đi đồng Rộc	Nhà 6 Rí	Đồng Rộc				0,435	
5	BTXM từ nhà ông Phụng đi nhà ông Lâm	Nhà ông Phụng	Nhà ông Lâm				0,395	
6	BTXM từ nhà ông Thọ đi nhà ông Nông	Nhà ông Thọ	Nhà ông Nông			0,335		
7	BTXM tuyến nhà văn hóa thôn Trung Bình đi Dốc Muồng	Nhà văn hóa Trung Bình	Dốc Muồng				1,063	
8	BTXM tuyến đường ngõ Trí đi nhà ông Lũy	Ngõ Trí	Nhà ông Lũy				0,175	
9	BTXM tuyến từ nhà ông Tuấn đi nhà ông Võ Đây	Nhà ông Tuấn	Nhà ông Võ Đây				0,151	
10	BTXM tuyến từ nhà ông Dâu đi nhà ông Kính	Nhà ông Dâu	Nhà ông Kính			0,185		
11	BTXM tuyến từ nhà ông Thanh đi cầu 6 Qua	Nhà ông Thanh	Cầu 6 Qua				0,075	
12	BTXM tuyến cánh đồng La Thiêng	Cầu cây Nhãn	Ruộng Phương				0,945	
13	BTXM tuyến đường nhà ông Kha đi nhà ông Thâm	Nhà ông Kha	Nhà ông Thâm				0,050	
14	BTXM từ nhà ông Thanh đi nhà bà Tạo	Nhà ông Thanh	Nhà bà Tạo					0,200
15	BTXM tuyến Bàu Le	Nhà ông Châu	Nhà ông Công				0,715	
16	BTXM tuyến từ nhà ông Tiến đi nhà ông Thanh	Nhà ông Tiến	Nhà ông Thanh				0,210	
XIV	XÃ MỸ ĐỨC			1,397	0,000	0,140	1,257	0,000

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
1	BTXM từ nhà ông Vũ đến nhà bà Xê	nhà ông Vũ	nhà bà Xê				0,180	
2	BTXM từ nhà ông Toàn đến miếu An Lạc	nhà ông Toàn	miếu An Lạc				0,330	
3	BTXM từ nhà bà Huê đến nhà ông Nghị	nhà bà Huê	nhà ông Nghị				0,260	
4	BTXM từ ao Tiên đến nhà ông Long	ao Tiên	nhà ông Long				0,077	
5	BTXM từ nhà ông Bình đến cầu Trà Ô	nhà ông Bình	cầu Trà Ô				0,150	
6	BTXM từ nhà ông Lân đến nhà ông Trần	nhà ông Lân	nhà ông Trần				0,100	
7	BTXM từ cống xóm 8 đi nhà bà Xuân	cống xóm 8	nhà bà Xuân				0,160	
8	BTXM từ cống chào Phú Hòa đến nhà bà Mươi	Cống chào	nhà bà Mươi			0,140		
XV	THỊ TRẤN PHÙ MỸ			3,008	0,000	1,473	1,418	0,117
1	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông 5 Tây	Quốc lộ 1	Nhà 5 Tây				0,180	
2	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Vinh	Quốc lộ 1	Nhà ông Vinh					0,117
3	BTXM tuyến Quốc lộ 1 đến nhà ông Tô	Quốc lộ 1	Nhà ông Tô				0,121	
4	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Thành	Quốc lộ 1	Nhà ông Thành				0,113	
5	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Long	Quốc lộ 1	Nhà ông Long				0,095	
6	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông 7 Á	Quốc lộ 1	Nhà ông 7 Á				0,056	
7	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Huy	Quốc lộ 1	Nhà ông Huy				0,338	
8	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Minh	Quốc lộ 1	Nhà ông Minh			0,094		
9	BTXM tuyến từ đường Trần Thị Lý đi đường Phan Đình Giót	Quốc lộ 1	đường Phan Đình Giót			0,198		
10	BTXM tuyến từ đường bờ hồ Diêm Tiêu tới nhà ông Lưu Văn Hòa	Quốc lộ 1	Lưu Văn Hòa			0,539		
11	BTXM tuyến đồng Nô	Đường Lê Lợi	tuyến đồng Nô			0,180		
12	BTXM tuyến từ đường Lê Lợi đi nhà ông 3 Đạm	Đường Lê Lợi	Nhà 3 Đạm				0,172	
13	BTXM tuyến từ đường Lê Lợi đi nhà ông Lê Văn Xuân	Đường Lê Lợi	nhà Lê Văn Xuân				0,069	
14	BTXM tuyến từ Trường Tiểu học số 2 TT Phù Mỹ đi nhà ông Tiến	Trường TH Số 2 TT PM	Nhà ông Tiến			0,462		
15	BTXM tuyến nội đồng từ đường Chu Văn An đi đồng đội 6	Đường Chu Văn An	Mương Bê tông				0,274	
XVI	XÃ MỸ HÒA			4,689	0,000	0,000	4,489	0,200
1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đình Vọng đi Xoài Châu (giai đoạn 2)	Ruộng xóm 1	Mương xoài châu				0,300	
2	BTXM từ trạm điện Nghĩa trang đến giáp đường BTXM xóm 18	Trạm điện	Giáp đường bê tông xóm 18				0,800	
3	BTXM từ ao ông Sánh đến giáp cống Phan Văn Thông	ao ông Sánh	cống Phan Văn Thông				0,400	
4	BTXM từ phía Nam cầu Gò Sỏi đến giáp ruộng xóm 10	phía Nam cầu Gò Sỏi	Ruộng xóm 10				0,300	
5	BTXM từ phía Nam cầu Cây Bông đến giáp Gò Vàng	Nam cầu Cây Bông	Giáp Gò Vàng				0,300	
6	BTXM từ nhà bà Nguyễn Thị Chút đến Miếu xóm 5	Nhà bà Chút	Miếu xóm 5				0,385	
7	BTXM từ phía Nam cầu Đá Bạc đến đồng Nhà thờ	phía Nam cầu Đá Bạc	Đồng Nhà thờ				0,374	
8	BTXM từ đường bê tông nhựa đến nhà ông Võ Công Thùy	Đường bê tông nhựa	Nhà ông Võ Công Thùy				0,065	
9	BTXM từ đường bê tông nhà 2 Tánh đến nhà ông Võ Văn Tám	Đường bê tông vô nhà 2 Tánh	Nhà ông Võ Văn Tám				0,070	
10	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Hồ Văn Thuộc xóm 1	Đường bê tông	Nhà ông Hồ Văn Thuộc				0,150	
11	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Trần Văn Định	Đường bê tông	Nhà ông Trần Văn Định				0,050	
12	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Võ Công Trị xóm 2	Đường bê tông	Nhà ông Võ Công Trị				0,055	
13	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Đặng Văn Lân xóm 2	Đường bê tông	Nhà Ông Đặng Văn Lân				0,030	
14	BTXM từ đường bê tông đến ngõ nhà ông Thanh Tín xóm 7	Đường bê tông	Ngõ nhà ông Thanh Tín				0,080	
15	BTXM từ đường bê tông đến ngõ nhà ông Bảy Còn xóm 7	Đường bê tông	Ngõ nhà ông Bảy Còn				0,100	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
16	BTXM từ đường bê tông đến ngõ nhà ông Bình xóm 6	Đường bê tông	Ngõ nhà ông Bình				0,070	
17	BTXM từ nhà ông Phạm Tấn Công đến nhà ông Trần Ngọc Hải	Nhà ông Phạm Tấn Công	Nhà ông Trần Ngọc Hải				0,070	
18	BTXM từ nhà ông Huỳnh Ngọc Bình đến nhà ông Huỳnh Ngọc Hoàng	Nhà ông Huỳnh Ngọc Bình	Nhà ông Huỳnh Ngọc Hoàng				0,020	
19	BTXM từ đường liên thôn đến nhà ông Châu Bảy xóm 2	Đường liên thôn	Nhà ông Châu Bảy				0,130	
20	BTXM từ đường liên thôn đến Gò Me xóm 4	đường liên thôn	Gò Me				0,170	
21	BTXM từ nhà ông Trần Thanh Phong đến mương Lồ Lậu xóm 2	Nhà Ông Trần Thanh Phong	Mương lồ Lậu				0,060	
22	BTXM từ đường bê tông liên thôn đến nhà bà Lê Thị Xuân	đường BT liên thôn	Nhà bà Lê Thị Xuân				0,080	
23	BTXM từ đường bê tông liên thôn đến nhà ông Lê Văn Thanh	đường BT liên thôn	Nhà ông Lê Văn Thanh				0,060	
24	BTXM từ nhà bà Lê Thị Ngọc Tâm đến nhà ông Nguyễn Xuân Mai xóm 19 Nam	Nhà bà Lê Thị Ngọc Tâm	Nhà ông Nguyễn Xuân Mai				0,130	
25	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Duy An	đường bê tông	nhà Nguyễn Duy An				0,120	
26	BTXM từ đường bê tông xóm 12 đến nhà ông Võ Văn Cảnh	đường BT xóm 12	nhà ông Võ Văn Cảnh				0,120	
27	BTXM từ đường bê tông xóm 12 đến nhà ông Nguyễn Hữu Thọ	đường BT xóm 12	nhà ông Nguyễn Hữu Thọ					0,200
XVII	XÃ MỸ AN			3,050	0,000	3,050	0,000	0,000
1	BTXM đường từ nhà ông Ứt đến nhà ông Thung thôn Xuân Phương	Nhà Ông Ứt	Nhà ông Thung			0,400		
2	BTXM các tuyến đường nhánh rẽ thôn Chánh Giáo							
a	Đoạn 1: từ ĐT.632 đi cống Hồ Đá Bàn	Nhà Thống	cống Hồ Đá Bàn			0,450		
b	Đoạn 2: Từ nhà ông Hiến đi Bầu Long	Nhà ông Hiến	Bầu Long			0,350		
c	Đoạn 3: Từ nhà ông Tùng đi ao mới	Nhà ông Tùng	Ao mới			0,200		
3	BTXM các tuyến đường nhánh rẽ thôn Hòa Ninh							
a	Đoạn 1: Từ nhà ông Quận đến Miếu Thanh minh	Nhà Ông Quận	Miếu Thanh minh			0,350		
b	Đoạn 2: Từ luồng Mỹ đi Núi Lớn	Luồng Mỹ	Núi Lớn			0,400		
4	BTXM các tuyến đường nhánh rẽ thôn Thuận Đạo							
a	Đoạn 1: Từ nhà bà Nghĩa đến Đập Cây Thị	Nhà bà Nghĩa	Đập Cây Thị			0,500		
b	Đoạn 2: Từ ĐT.632 đến nhà bà Huệ	ĐT.632	Nhà bà Huệ			0,100		
c	Đoạn 3: Từ nhà bà Đào đi suối lớn	Nhà bà Đào	Suối lớn			0,300		
Tổng cộng :				39,768	0,403	14,173	24,256	0,936

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

39,768 Km

0,403 Km

14,173 Km

24,256 Km

0,936 Km

4.674,103 Tấn

79,794 Tấn

2.168,469 Tấn

2.352,832 Tấn

73,008 Tấn

PHỤ LỤC I.07: TÂY SƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN TÂY SƠN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	XÃ BÌNH HÒA			0,463	0,000	0,000	0,463	0,000
1	Tuyến đường giao thông nội đồng từ ĐH 28 đến bờ bạn, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM	Đường ĐH 28	Bờ Bạn				0,463	
II	XÃ BÌNH NGHI			1,432	0,000	0,000	1,432	0,000
1	Giáp đường bê tông nhà ông Văn Ná đến nhà bà Võ Thị Xanh	Nhà ông Văn Ná	Bà Võ Thị Xanh				0,035	
2	Giáp đường bê tông nhà ông Dương Luyện đến nhà bà Phan Thị Mỹ Lệ	Nhà ông Dương luyện	Nhà bà Phan Thị Mỹ Lệ				0,040	
3	Đoạn đường từ ngã ba ngõ nhà bà Huỳnh Thị Liễu đến giáp nương ngõ nhà ông Lê Thái Sơn	Nhà bà Huỳnh Thị Liễu	Nhà ông Lê Thái Sơn				0,150	
4	Đoạn đường giáp nhà ông Nguyễn Tấn Sanh đến nhà ông Trần Văn Minh	Nhà ông Nguyễn Tấn Sanh	Nhà ông Trần Văn Minh				0,051	
5	Đoạn hẻm xóm Xoài 1 Đông, thôn 2	Nhà ông Lê Đình Tường	Nhà ông Nguyễn Văn Tới				0,126	
6	Đoàn từ đường bê tông nhà ông Trần Văn Trung đến giáp nhà bà Trần Thị Lệ Trang	Nhà ông Trần Văn Trung	Nhà bà Trần Thị Lệ Trang				0,120	
7	Đoạn từ đường bê tông nhà ông Nguyễn Minh Cảnh đến nhà ông Trần Thanh Dũng	Nhà ông Nguyễn Minh Cảnh	Nhà ông Trần Thanh Dũng				0,060	
8	Từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Đoàn Thanh Long	Đường Quốc lộ 19	Nhà ông Đoàn Thanh Long				0,150	
9	Giáp đường bê tông xóm Cao đến giáp nhà ông Võ Văn Mười	Xóm Cao	Nhà ông Võ Văn Mười				0,100	
10	Từ Quốc lộ 19 đến cuối nhà ông Trần Văn Tám	Nhà ông Trần Văn Trung	Nhà ông Trần Văn Tám				0,194	
11	Giáp đường bê tông xóm Ranh Giới đến nhà ông Lê Văn Thừa	Xóm Ranh Giới	Nhà ông Lê Văn Thừa				0,096	
12	Giáp bê tông nhà ông Trần Văn Xênh đến giáp nhà ông Từ Minh Tâm	Nhà ông Trần Văn Xênh	Nhà Từ Minh Tâm				0,100	
13	Giáp Quốc lộ 19 đến giáp nhà ông Nguyễn Văn Cư	Đường Quốc lộ 19	Nhà ông Nguyễn Văn Cư				0,040	
14	Giáp đường bê tông nhà ông Lê Văn Phương đến nhà ông Trần Văn Minh	Nhà ông Lê Văn Phương	Nhà ông Trần Văn Minh				0,100	
15	Giáp đường bê tông xóm Hạ đến nhà ông Phạm Văn Hà	Xóm Hạ	Nhà ông Phạm Văn Hà				0,070	
III	XÃ BÌNH TÂN			3,546	0,000	1,200	2,163	0,183
1	Đường từ nhà ông Thanh đến nhà ông 4 Sương	Nhà ông Thanh	Nhà ông 4 Sương				0,739	
2	Đường từ Khu tường niệm liệt sĩ Thuận Ninh đến ruộng ông Trần Văn Triệu	Khu tường niệm liệt sĩ	Ruộng ông Trần Văn Triệu				0,080	
3	Đường từ trụ sở thôn đến nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trụ sở thôn	Nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm				0,126	
4	Đường vào nghĩa địa thôn Thuận Hòa	Nhà ông Tâm	Nghĩa địa thôn Thuận Hòa				0,255	
5	Đường ngõ xóm từ nhà ông Nguyễn Văn Cừ đến nhà ông Nguyễn Trọng	Nhà ông Nguyễn Văn Cừ	Nhà ông Nguyễn Trọng				0,449	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
6	Đường ngõ xóm từ nhà ông Đàm Tấn Sơn đến nhà bà Nguyễn Thị Bông	Nhà ông Đàm Tấn Sơn	Nhà bà Nguyễn Thị Bông				0,112	
7	Đường từ nhà ông Tạ Văn Long đến nhà bà Trần Thị Hương	Nhà ông Tạ Văn Long	Nhà bà Trần Thị Hương				0,240	
8	Đường từ nhà Trẻ đến nhà ông Nguyễn Cao Chí	Nhà trẻ	Nhà ông Nguyễn Cao Chí				0,292	
9	Đường ngõ xóm từ nhà bà Huỳnh Thị Thu đến nhà ông Võ Văn Tường	Nhà bà Huỳnh Thị Thu	Nhà ông Võ Văn Tường				0,260	
10	Đường ngõ xóm từ nhà bà Phan Thị Nga đến nhà bà Đặng Thị Liên	Nhà bà Phan Thị Nga	Nhà bà Đặng Thị Liên				0,246	
11	Đường từ nhà ông Thoại đến nhà ông Nguyễn Văn Vực	Nhà ông Thoại	Nhà ông Nguyễn Văn Vực				0,174	
12	Đường ngõ xóm từ nhà ông Lê Văn Thuận đến nhà ông Bùi Vĩnh Tồn	Nhà ông Lê Văn Thuận	Nhà ông Bùi Vĩnh Tồn				0,335	
13	Đường ngõ xóm từ nhà ông Võ Văn Thuyết đến nhà ông Hồ Đức Cườm	Nhà ông Võ Văn Thuyết	Nhà ông Hồ Đức Cườm				0,055	
14	Đường nội đồng đồng Đồn Trên	Ruộng ông Nguyễn Xuân Quang	Ruộng ông Trần Kim Trọng					0,183
IV	XÃ BÌNH THÀNH			0,650	0,650	0,000	0,000	0,000
1	Đường từ đường ĐH27 đến khu dân cư Gò Cây Tra	ĐH27	Gò Cây Tra		0,650			
V	XÃ BÌNH THUẬN			2,292	0,000	2,041	0,251	0,000
1	BTXM tuyến từ bà Quyền ông Uyển Bà Lan thôn Thuận Nhứt	Nhà ông Trần Uyển	Nhà ông Nguyễn Công Thuận			0,111		
2	BTXM tuyến từ nhà ông Tặng đến nhà ông Phạm xóm 8 thôn Thuận Nhứt	Nhà Ông Trần Thanh Tặng	nhà ông Trần Phạm			0,211		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
3	BTXM tuyến nhà từ nhà ông Mai Cư đến nhà ông Chanh xóm 7 thôn Thuận Nhứt	Nhà ông Mai Cư	Nhà ông Mai Văn Chanh			0,198		
4	BTXM tuyến nhà ông Lê Trọng Hiếu xóm 6 thôn Thuận Truyền	Đường BTXM	nhà ông Lê Trọng Hiếu			0,515		
5	BTXM tuyến Bà Hay ông Trúc Lê Trung ông Việt ông Học ông Công ông Bảy ông Phúc thôn Thuận Truyền	Nhà ông Đỗ Nhật Trúc	Nhà ông Trần Văn Học			0,298		
6	BTXM tuyến nhà ông Võ ông Thành ông Thức ông Thạch ông Ái ông Em ông Đầu bà Qua ông Trí thôn Thuận Hiệp	Nhà ông Tã Võ	Nhà ông Tạ Công Trí			0,392		
7	BTXM tuyến từ nhà ông Sĩ ông Cầu thôn Thuận Hạnh	Nhà ông Nguyễn Văn Sĩ	Nhà ông Nguyễn Cầu			0,316		
8	BTXM tuyến nhà ông Võ Phong Trà xóm 2 thôn Thuận Hạnh	Đường BTXM	Nhà ông Võ Phong Trà				0,103	
9	BTXM tuyến nhà ông Nguyễn Công Thuận xóm 10 Thuận Nhứt	Đường BTXM	Nhà ông Nguyễn Công Thuận				0,085	
10	BTXM tuyến nhà Bà Nguyễn Thị Điệp xóm 2 thôn Thuận Nhứt	Đường BTXM	Nhà bà Nguyễn Thị Điệp				0,063	
VI	XÃ TÂY BÌNH			0,153	0,000	0,153	0,000	0,000
1	Đường xóm 6 Mỹ Thuận	Nhà ông Lê Mạnh	Nhà ông Võ Đình Như			0,153		
VII	XÃ TÂY PHÚ			0,885	0,240	0,615	0,030	0,000
1	BTXM đường từ Trần Suối Cỏ Cò đến xã Tây Xuân	Trần Suối Cỏ Cò	Xã Tây Xuân			0,615		
2	BTXM Công Chảo nghĩa Trang xã Tây Phú đến giáp đất Lâm nghiệp	Công chảo	đất Lâm nghiệp		0,240			
3	Đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Bảo Quốc	Mép đường bê tông	nhà Nguyễn Bảo Quốc				0,030	
VIII	XÃ TÂY GIANG			1,320	0,000	1,050	0,200	0,070
1	Từ Đập Xước đến hồ Hóc Đèo	Từ đập Xước	Hồ Hóc Đèo			0,800		
2	Từ nhà ông Minh Cao ra ruộng Bàu Chùa	Từ nhà ông Minh Cao	Ruộng Bàu Chùa			0,250		
3	Từ nhà bà Bùi Thị Cà đến soi Công	Từ nhà bà Bùi Thị Cà	Soi Công				0,200	
4	Từ BTXM đến nhà ông Huỳnh Công Luận	Từ BTXM	Nhà ông Huỳnh Công Luận					0,070
IX	XÃ TÂY THUẬN			1,807	0,000	1,807	0,000	0,000
1	Đường bê tông thôn Thượng Sơn: Từ bê tông đến đất ông Mỹ, đất ông Hải, đất ông sanh, đất ông Hòa	Từ bê tông	Đất ông Hòa			1,650		
2	Đường từ bê tông thôn Hòa Thuận: Từ Bê tông đến đất ông Tùng	Từ Bê tông	Đất ông Tùng			0,097		
3	Đường từ bê tông thôn Tiên Thuận: Từ Bê tông đến đất bà Hồng	Từ Bê tông	Đất bà Hồng			0,060		
X	XÃ TÂY VINH			0,952	0,000	0,223	0,729	0,000
1	Giao thông nội đồng xóm 6 (Bờ vùng Mương Đôi+Bờ vùng Bụi Tre 1+đường dưới nhà 5 Ban+ Đám Cây Xoài xóm 1)	Mương đôi	Bờ vùng Bụi tre 1				0,540	
2	Giao thông nội đồng dọc mương rút Mỹ Vinh (đoạn An Vinh 2 đến Bờ Kè Sông Kôn)	An Vinh 2	Bờ kè sông Kôn			0,223		
3	Đường giao thông nội đồng xóm 12 (đoạn trước nhà ông Cảnh)	Nhà ông Cảnh	Kênh Văn Phong				0,189	
XI	XÃ VĨNH AN			1,250	0,000	1,250	0,000	0,000

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
1	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Đình Truyền đến ruộng Đình Dem	Rẫy Đình Truyền	Ruộng Đình Dem			0,55		
2	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng Vườn Gòn đến bến Cây Trâm	Ruộng Vườn Gòn	Bến Cây Trâm			0,70		
Tổng cộng :				14,750	0,890	8,339	5,268	0,253

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

14,750 Km

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

0,890 Km
8,339 Km
5,268 Km
0,253 Km

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

1.982,817 Tấn

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

176,220 Tấn
1.275,867 Tấn
510,996 Tấn
19,734 Tấn

PHỤ LỤC I.08: TUY PHƯỚC

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN TUY PHƯỚC
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	XÃ PHƯỚC AN			2,899	0,000	2,899	0,000	0,000
1	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thanh 1	Ngã 5	Thiện Trường			0,590		
2	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỷ đến Cầu Giáp Sỡ, thôn Ngọc Thanh 1	Ngõ Sỷ	Cầu Giáp Sỡ			0,639		
3	BTXM đường nội đồng từ Cầu Gòn đến Gò Nhân, thôn Đại Hội	Cầu Gòn	Gò Nhân			0,210		
4	BTXM Từ Ngõ Tuần đến Ngõ Cúc thôn An Sơn 2	Ngõ Tuần	Ngõ Cúc			0,630		
5	BTXM tuyến đường từ ngõ Lê Thị Biểu đến ruộng Ông Hân, thôn An Sơn 2	Ngõ Lê Thị Biểu	ruộng Ông Hân			0,830		
II	XÃ PHƯỚC HƯNG			0,720	0,000	0,310	0,410	0,000
1	Bê tông GTNĐ thôn Tân Hội; Tuyến từ đường bê tông xóm 10 đến Sân kho	Đường bê tông xóm 10	Giáp vùng ruộng xóm 13			0,310		
2	Bê tông giao thông nông thôn; Tuyến đê sông Gò Châm; Đoạn bờ bắc thôn Nho Lâm từ bờ bên Lù xóm 17 đến nhà ông Đặng Ngọc Thủy xóm 19.	Bờ bên Lù xóm 17	Nhà ông Đặng Ngọc Thủy xóm 19				0,410	
III	XÃ PHƯỚC THẮNG			4,384	2,339	0,040	2,005	0,000
1	Bê tông giao thông thôn Khuông Bình							
1.1	Tuyến từ mương bê tông đến gò Ông Việt	Mương bê tông	Gò ông Việt			0,040		
2	Bê tông giao thông thôn Phổ Đồng							
2.1	BTXM tuyến Hai Phú đi Phổ Đồng	Cổng Hai Phú	Đội 16		0,668			
2.2	BTXM GTNĐ từ cổng Bà Tiên đi Phổ Đồng	Cổng Bà Tiên	Đội 8				1,295	
3	Bê tông giao thông thôn Dương Thành							
3.1	BTXM tuyến Đội 2 Dương Thành đi Khuông Bình	Sân kho đội 2	Đội 15 Khuông Bình				0,710	
4	Bê tông giao thông thôn Thanh Quang							
4.1	BTXM GTNĐ tuyến Hai Phú đi Thanh Quang	Cổng Mười Luân	Cổng Hai Phú		1,007			
4.2	BTXM GTNĐ tuyến 631 đi cổng Tăng Thực	ĐT 631	Ruộng Đình Thanh Long		0,504			
4.3	BTXM GTNĐ từ đội 13 đi đội 19	Ruộng Nguyễn Thị Chín	Ruộng Đình Thanh Long		0,160			
IV	THỊ TRẤN TUY PHƯỚC			1,340	0,000	0,355	0,216	0,769
	Khu phố Thanh Thế							
1	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Nam đến nhà bà Nguyễn Thị Tròn	Nhà ông Nguyễn Văn Nam	Nhà bà Nguyễn Thị Tròn				0,012	
2	Tuyến đường từ nhà bà Lê Thị Kim Thoa đến nhà bà Lê Thị Công	Nhà bà Lê Thị Kim Thoa	Nhà bà Lê Thị Công				0,032	
3	Tuyến đường từ cầu qua mương sâu đến nhà ông Đào Trường Đỉnh	Cầu qua mương Sâu	Nhà ông Đào Trường Đỉnh				0,083	
4	Tuyến đường từ nhà ông Phan Thanh Đáo đến nhà ông Nguyễn Quý Tài	Nhà ông Phan Thanh Đáo	Nhà ông Nguyễn Quý Tài			0,051		
	Khu phố Mỹ Điền							
1	Tuyến đường từ nhà ông Võ Ngọc Thạch đến nhà bà Bùi Thị Hiền	Nhà ông Võ Ngọc Thạch	Nhà bà Bùi Thị Hiền					0,141
2	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Đệ đến nhà ông Đình Như Sâm	Nhà ông Nguyễn Văn Đệ	Nhà ông Đình Như Sâm				0,089	
3	Tuyến đường từ nhà ông Đình Như Sâm đến nhà ông Lê Trần Minh Tiến	Nhà ông Đình Như Sâm	Nhà ông Lê Trần Minh Tiến					0,041
4	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Minh Chánh đến nhà bà Đỗ Thị Lộng	Nhà ông Nguyễn Minh Chánh	Nhà bà Đỗ Thị Lộng			0,113		
5	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Mãn đến nhà ông Nguyễn Văn Đức	Nhà bà Nguyễn Thị Mãn	Nhà ông Nguyễn Văn Đức					0,046

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
6	Tuyến đường từ giáp đường Đào Tấn đến nhà ông Trần Quang Triều	Đường Đào Tấn	Nhà ông Trần Quang Triều			0,067		
7	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Đông đến nhà ông Nguyễn Thanh Bình	Nhà bà Nguyễn Thị Đông	Nhà ông Nguyễn Thanh Bình					0,118
8	Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Nhiều đến nhà ông Lê Văn Lượm	Nhà bà Trần Thị Nhiều	Nhà ông Lê Văn Lượm			0,021		
9	Tuyến đường từ nhà ông Trần Cang đến nhà ông Huỳnh Ngọc Long	Nhà ông Trần Cang	Nhà ông Huỳnh Ngọc Long			0,029		
	Khu phố Công Chánh							
1	Tuyến đường từ đường Võ Tử đến nhà ông Đoàn Công Quyền	Đường Võ Trứ	Nhà ông Đoàn Công Quyền			0,074		
2	Tuyến đường từ đường Nguyễn Huệ đến nhà ông Đỗ Thành Long	Đường Nguyễn Huệ	Nhà ông Đỗ Thành Long					0,078
	Khu phố Trung Tín 1							
1	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Văn Xuân đến nhà ông Bùi Thanh Hiền	Nhà ông Nguyễn Văn Xuân	Nhà ông Bùi Thanh Hiền					0,124
2	Tuyến đường từ nhà bà Đào Thị Chon đến nhà ông Huỳnh Thanh Sang và Phạm Đình Dương	Nhà bà Đào Thị Chon	Nhà ông Huỳnh Thanh Sang và Phạm Đình Dương					0,103
	Khu phố Trung Tín 2							
1	Tuyến đường từ ngõ nhà bà Trần Thị Hoa đến nhà ông Nguyễn Văn Danh	Nhà bà Trần Thị Hoa	Nhà ông Nguyễn Văn Danh					0,118
V	XÃ PHƯỚC HIỆP			0,830	0,000	0,600	0,000	0,230
1	Từ Nhà Hải đến Nhà Giỏi. Thôn Luật Chánh	Nhà Hải	Nhà Giỏi			0,100		
2	Từ cầu ông Phó đến giáp đường bê tông. Thôn Luật Chánh	Cầu ông Phó	Đường bê tông			0,200		
3	Nhà Tân đến nhà Định. Thôn Luật Chánh	Nhà Tân	Nhà Định			0,150		
4	Nhà Dư Dững đến nhà Mai Hiệu. Thôn Luật Chánh	Nhà Dư Dững	Nhà Mai Hiệu			0,150		
5	Từ nhà Anh đến nhà Đờ. Thôn Giang Bắc	Nhà Anh	Nhà Đờ					0,230
VI	XÃ PHƯỚC THÀNH			1,040	0,000	1,040	0,000	0,000
1	BTXM sau trường Mầm non Bình An 1 - Thôn Bình An 1	BTXM	Khu dân cư			0,055		
2	BTXM đê sông đến dốc sông xóm 4 Cảnh An 1	BTXM	Đê sông xóm 4			0,800		
3	BTXM từ ngõ Hưng, ngõ Nôi đến đường BTXM xóm 3 Cảnh An 1	BTXM	BTXM			0,050		
4	BTXM từ công sau trường THCS đến công Sân vận động xã	Công sau trường	đường BTXM			0,135		
Tổng cộng :				11,213	2,339	5,244	2,631	0,999

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

11,213 Km

2,339 Km

5,244 Km

2,631 Km

0,999 Km

1.598,583 Tấn

463,122 Tấn

802,332 Tấn

255,207 Tấn

77,922 Tấn

PHỤ LỤC I.09: VÂN CANH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN VÂN CANH

(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú
I	XÃ CANH HIỀN			0,573	0,000	0,573	0,000	0,000	
1	Bê tông đường từ nhà ông Hứa đến đất lớn (cây Sộp Đèo) nối dài	Nhà ông Hứa	Cây Sộp Đèo			0,573			
II	THỊ TRẤN VÂN CANH			0,240	0,000	0,240	0,000	0,000	
1	Đường BTXM từ Trường Mẫu Giáo đến đất ông An (Khu phố 3)	Trường Mẫu Giáo	Đất ông An			0,090			
2	Đường BTXM từ nhà ông Vai đến nhà bà Bông (Khu phố Hiệp Hà)	Nhà ông Vai	Nhà bà Bông			0,050			
3	Đường BTXM từ ngã 3 nhà bà Đào đến đường ngang Cụm công nghiệp (Khu phố Thịnh Văn 1)	Ngã 3 nhà bà Đào	Đường ngang Cụm công nghiệp			0,100			
III	XÃ CANH HÒA			1,800	0,000	1,800	0,000	0,000	
1	Đường BTXM từ cây Sộp đến đồng Xóm	Ngã 3 đường Suối Chình	Đồng Xóm			0,700			
2	BTXM đường Canh Thành - suối Ke	Đoạn nối tiếp đất ông Dâm	Đồng Cây Chanh			0,600			
3	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Linh	Quốc lộ 19C	Đất ông Linh			0,500			
IV	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ HUYỆN			0,501	0,501	0,000	0,000	0,000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Nhạc (đoạn từ đường sắt ra đến đường phía Đông)	Giáp đường Nguyễn Nhạc đã mở rộng	Đường phía Đông		0,501				
Tổng cộng :				3,114	0,501	2,613	0,000	0,000	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

3,114 Km

0,501 Km

2,613 Km

0,000 Km

0,000 Km

498,987 Tấn

99,198 Tấn

399,789 Tấn

0,000 Tấn

0,000 Tấn

PHỤ LỤC II.01: AN LÃO

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN AN LÃO
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ AN HÒA	0,000	1,120	0,000	0,000		396,480		
1	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội bộ thôn Vạn Xuân		1,120			354	396,480	2009	
II	XÃ AN TÂN	0,000	2,100	0,000	0,000		743,400		
1	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Gò Đồn		0,800			354	283,200	2007	
2	Đường BT GTNT đoạn từ Hợp tác xã đến nhà ông Kỳ		0,800			354	283,200	2007	
3	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Thuận Hoà (nhà ông Năm đến khu di tích Chính Nghĩa)		0,500			354	177,000	2010	
III	BAN QLDA ĐTXD&PTQĐ HUYỆN	2,700	0,000	0,000	0,000		529,500		
1	Duy tu tuyến đường xã An Nghĩa, từ Km4+412 đến Km7+112								
1.1	Nâng cấp, mở rộng B=5,5m	0,600				389	233,400	2010	
1.2	Tận dụng mặt B=3,5m, mở rộng B=2,0m	2,100				141	296,100	2010	
IV	THỊ TRẤN AN LÃO	0,000	1,200	0,000	0,000		424,800		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông Noa đến giáp ruộng đồng Vố Mới		0,800			354	283,200	2003	
2	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và vỉa hè hẻm Tăng Bạt Hổ		0,400			354	141,600	2009	
V	XÃ AN TRUNG	0,000	1,450	0,000	0,000		513,300		
1	Nâng cấp mở rộng đường GTNT làng Đồng Lôi (thôn 6, An Trung)		0,700			354	247,800	2007	
2	Nâng cấp mở rộng đường GTNT từ Đồng Phe (thôn 5) qua thôn 8, xã An Trung		0,750			354	265,500	2009	
Tổng cộng		2,700	5,870	0,000	0,000		2.607,480		

PHỤ LỤC II.02: AN NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - THỊ XÃ AN NHƠN

(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ NHƠN HẬU	0,000	1,700	0,000	0,000		273,700		
1	Mở rộng, BTXM tuyến đường từ nhà Miếu An Xuân đến giáp đường sắt		1,500			161	241,500	2013	
1	Mở rộng, BTXM tuyến giao thông từ nhà ông Việt đến nhà ông Kiên		0,200			161	32,200	2013	
Tổng cộng		0,000	1,700	0,000	0,000		273,700		

PHỤ LỤC II.03: HOÀI ÂN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN HOÀI ÂN

(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ ÂN TUỜNG ĐÔNG	0,000	0,000	0,000	0,500		76,500		
1	Nâng cấp BTXM từ nhà ông Bày đến nhà ông Kiếm				0,500	153	76,500	2001	
Tổng cộng		0,000	0,000	0,000	0,500		76,500		

PHỤ LỤC II.04: HOÀI NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - THỊ XÃ HOÀI NHƠN
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B			
I	PHƯỜNG BỒNG SƠN	0,000	0,850	0,000	0,000		136,850	
1	Nâng cấp mở rộng đường Lê Thanh Nghị đoạn từ đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Trần) đến nhà Tin (nhà ông Hiệu)		0,850			161	136,850	2012
II	XÃ HOÀI CHÂU BẮC	0,000	0,000	0,000	4,652		748,972	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bắc đôi mười đến ĐH09 B				2,032	161	327,152	2006
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Quán Thánh đến đường số 2				1,540	161	247,940	2006
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngõ Thiên đến đường ADP5				1,080	161	173,880	2007
III	XÃ HOÀI CHÂU	0,000	0,885	0,000	0,000		142,485	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ đường Phụng Du, Túy Sơn - Ngã 3 bà Tăng		0,885			161	142,485	2003
IV	PHƯỜNG HOÀI ĐỨC	0,000	4,417	0,000	0,000		1.563,618	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Võ Liệu		2,617			354	926,418	2002
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lam Sơn		1,800			354	637,200	2003
V	PHƯỜNG HOÀI HẢO	0,000	0,800	0,000	0,000		128,800	
1	Mở rộng và nâng cấp đường Phan Kế Bính		0,800			161	128,800	2002
VI	PHƯỜNG HOÀI HƯƠNG	0,000	1,570	0,000	0,000		252,770	
1	Tuyến đường Nguyễn Hữu Huân		0,52			161	83,720	2003
2	Tuyến đường Thoại Ngọc Hầu (Đoạn từ nhà ông Lê Văn Cần đến nhà ông Lê Văn Mười)		0,50			161	80,500	2001
3	Tuyến đường Đặng Thai Mai		0,36			161	57,960	2014
4	Tuyến đường Huỳnh Văn Nghệ		0,19			161	30,590	2011
VII	XÃ HOÀI MỸ	0,000	0,000	0,000	1,417		218,841	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Cầu Náo đến nhà ông Nguu thôn Khánh Trạch				0,255	161	41,055	2010
2	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến ngõ Giọng đến ngã tư thôn An Nghiệp				0,060	153	9,180	2014
3	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến từ nhà Mẫn đến đường ĐT 639 thôn Lộ Diêu				0,450	153	68,850	2014
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ nhà Nhon đến giáp đường liên xã thôn Định Công				0,252	153	38,556	2014
5	Nâng cấp, sửa chữa BTXM đoạn từ quán Chung đến quán Hoàng (thôn Xuân Vinh)				0,400	153	61,200	2010
VIII	XÃ HOÀI SƠN	0,000	1,876	0,000	0,000		302,036	
1	Tuyến bê tông mở rộng đoạn từ Cổng Sầu Đầu Ruộng Xuân		0,200			161	32,200	2006

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B			
2	Tuyến bê tông mở rộng đoạn từ Ngã ba Nhà Thôn - Ngõ Long		0,726			161	116,886	2006
3	Tuyến bê tông mở rộng đoạn từ Ngõ Nga - Suối Vàng		0,950			161	152,950	2011
IX	PHƯỜNG HOÀI XUÂN	0,000	4,960	0,000	0,000		798,560	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lê Đình Chinh (đoàn từ ngã ba Lê Đình Chinh - Vạn Thắng đến giáp Hoài Tân)		1,420			161	228,620	2003
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phụng Sơn		2,015			161	324,415	2009
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Tôn Thất		1,525			161	245,525	2015
X	PHƯỜNG TAM QUAN BẮC	0,000	0,560	0,000	0,000		198,240	
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Trần Quốc Toản (giai đoạn 2)		0,560			354	198,240	2000
XI	XÃ HOÀI PHÚ	0,000	0,450	0,000	0,000		72,450	
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến từ ngã tư xóm 16 đến cầu suối Lấp		0,450			161	72,450	2005
XII	PHƯỜNG TAM QUAN	0,000	0,490	0,000	0,000		86,730	
1	Mở rộng BTXM tuyến đường Trần Thủ Độ		0,490			177	86,730	2005
XII	PHƯỜNG TAM QUAN	0,000	3,570	0,000	0,000		574,770	
1	Mở rộng bê tông tuyến đường Nguyễn Hòa từ ngã 3 đường Kha Vạn Cân đến ngã 3 đường Hồ Sĩ Tạo, khu phố Giao Hội 1		0,920			161	148,120	2006
2	Mở rộng bê tông tuyến đường Nguyễn Đức Cảnh từ nhà ông Nông, khu phố Đệ Đức 2 đến hết giáp cầu gần nhà ông Trái, khu phố Đệ Đức 2		0,350			161	56,350	2007
3	Mở rộng bê tông tuyến đường Nguyễn Đức Cảnh từ ngã 3 đường Bùi Thị Nhạn đến giáp đường Hoàng Quốc Việt, khu phố Đệ Đức 1		1,000			161	161,000	2007
4	Mở rộng bê tông tuyến đường Trần Khát Chân từ ngã 3 đường Ý Lan, khu phố An Dưỡng 2 đến giáp đường Ý Lan, khu phố An Dưỡng 1		1,300			161	209,300	2006
Tổng cộng		0,000	20,428	0,000	6,069		5.225,122	

PHỤ LỤC II.05: PHÙ CÁT

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN PHÙ CÁT

(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ CÁT THÀNH	0,000	0,933	0,000	0,000		330,282		
1	Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường BTXM GTNT Tuyến giáp ĐT 639 cầu Trùm Tuấn - ngõ Thầy phương ĐT639 mới		0,933			354	330,282	2004	
II	XÃ CÁT HẢI	0,000	0,000	0,000	0,710		108,630		
1	Tuyến đường từ ĐT.639 đến nương đập đề				0,37	153	56,610	2002	
2	Tuyến đường từ ĐT.639 đến giáp nương đồng Hóc				0,25	153	38,250	2002	
3	Tuyến đường trước nhà Phan Vạn Thọ				0,09	153	13,770	2014	
Tổng cộng		0,000	0,933	0,000	0,710		438,912		

PHỤ LỤC II.06: PHÙ MỸ

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN PHÙ MỸ
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ MỸ PHONG	0,000	3,200	0,000	0,000		901,200		
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ QL.1 đến nhà ông Trí thôn Phú Nhiêu		0,800			354	283,200	2013	
2	Mở rộng tuyến đường từ nhà ông Trí thôn Phú Nhiêu đến ngã tư thôn Gia Hội		1,200			161	193,200	2013	
3	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ Khu thể thao xã đến Miếu xóm Kêu		1,200			354	424,800	2002	
II	XÃ MỸ THẮNG	0,000	1,610	0,000	0,000		259,210		
1	Mở rộng tuyến đường BTXM từ Gò Chùa đến đường ĐT.639 (đoạn từ Gò Chùa đến nhà ông Thiện)		1,080			161	173,880	2011	
2	Mở rộng tuyến đường BTXM từ Cầu Sắt đến giáp xã Mỹ An (đoạn từ Cầu Sắt đến nhà ông Thuận)		0,530			161	85,330	2009	
III	XÃ MỸ THO	0,000	2,500	0,000	0,000		402,500		
1	Mở rộng tuyến đường BTXM từ Chánh Tường đi thôn Đại Lương (đoạn công làng văn hoá thôn Chánh Tường đến nhà ông Chương)		1,200			161	193,200	2011	
2	Mở rộng tuyến đường BTXM từ ngã 4 Chánh Trực đi Dốc Lụa (đoạn từ Cầu Đu đến Nhà văn hoá thôn Chánh Trạch 2)		1,300			161	209,300	2011	
IV	XÃ MỸ HIỆP	0,000	4,905	0,000	0,000		877,520		
1	Sửa chữa, mở rộng đường BTXM từ ĐT.638 (Vạn Phước Tây) đi Nhà văn hóa thôn Vạn Thiện								
1.1	Đoạn 1: Từ đường ĐT.638 đến cống hộp		0,230			161	37,030	2013	
1.2	Đoạn 2: Từ cống hộp đến nhà ông An		0,455			354	161,070	2013	
2	Mở rộng đường BTXM từ nhà ông Thuận đến đường ĐT.638 thôn Trà Bình Tây		1,450			161	233,450	2013	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
3	Mở rộng đường BTXM từ nhà bà Vân thôn Tú Dương đi Trung Thành		1,300			161	209,300	2015	
4	Mở rộng đường BTXM từ đường ĐT.638 đi Hồ Chí Hòa 2 thôn Vạn Phước Tây		0,470			161	75,670	2012	
5	Mở rộng đường BTXM từ đường Cụm công nghiệp Đại Thanh đi Nhà văn hóa thôn Bình Tân Đông		1,000			161	161,000	2014	
V	XÃ MỸ CHÁNH	0,000	0,000	0,259	0,000		51,282		
1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT đường từ ĐT.639 đi chợ Chạy thôn An Hoan			0,259		198	51,282	2007	
VI	XÃ MỸ TÀI	0,000	6,000	0,000	0,000		2124,000		
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường liên xã từ đường ĐH.17 (đoạn chợ Đổ, xã Mỹ Tài) đến giáp đường Tỉnh lộ ĐT.632		6,000			354	2.124,000	2009	
VII	XÃ MỸ CHÂU	0,000	1,870	0,000	0,000		349,320		
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến từ nhà ông Quang đến nhà bà 8 Bình								
a	<i>Đoạn 1: Từ nhà ông Quang tới nhà ông Dấu</i>		0,100			354	35,400	2012	
b	<i>Đoạn 2: Từ nhà ông Anh tới nhà bà 8 Bình</i>		0,630			161	101,430	2012	
2	Sửa chữa, mở rộng tuyến từ đường Vạn An - Phú Thứ đến nhà ông Hà Thanh								
a	<i>Đoạn 1: Từ đường Vạn An - Phú Thứ tới nhà ông Hồng</i>		0,150			354	53,100	2008	
b	<i>Đoạn 2: Từ nhà bà Thủy tới nhà ông Hà Thanh</i>		0,990			161	159,390	2008	
VIII	XÃ MỸ LỘC	0,000	3,250	0,000	0,000		523,250		
1	Mở rộng tuyến từ nhà ông Nhân nhà ông Ân		1,900			161	305,900	2016	
2	Mở rộng tuyến từ nhà ông Tề đến ngã tư trụ sở thôn Cửu Thành		1,350			161	217,350	2016	
IX	XÃ MỸ CHÁNH TÂY	0,000	2,105	0,000	1,000		465,835		
1	Mở rộng tuyến ngõ Tâm đi Hồ Hóc Mít		0,800			161	128,800	2007	
2	Mở rộng tuyến ngõ Miên đi nhà ông Thăm		0,515			161	82,915	2020	
3	Mở rộng tuyến từ ĐT.632 đi nhà ông Dương		0,790			128	101,12	2013	
4	Sửa chữa tuyến từ Miếu Hương đi hồ Chòi Hiền				1,000	153	153,000	2012	
X	XÃ MỸ TRINH	0,000	0,000	3,297	1,518		885,060		
1	Sửa chữa các tuyến đường BTXM thôn Trung Hội								

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
a	Đoạn 1: tuyến từ nhà ông Bình Tuyết đến nhà ông Hùng			0,252		198	49,896	2016	
b	Đoạn 2: tuyến từ nhà ông Võ Văn Điền đi nhà ông Võ Văn Lễ			0,230		198	45,540	2016	
c	Đoạn 3: tuyến nhà ông Phong đi nhà ông Sơn			0,480		198	95,040	2016	
2	Sửa chữa tuyến nhà ông Nguyễn Hữu Trúc đi đường tránh QL.1 thôn Trung Bình			0,215		198	42,570	2016	
3	Mở rộng tuyến từ nhà ông Trinh (khu dân cư năm 2023) đi ngã ba nhà ông Phương thôn Chánh Thuận			0,145		198	28,710	2015	
4	Sửa chữa các tuyến đường BTXM thôn Trà Lương								
a	Đoạn 1: tuyến nhà ông Phan Tý đi đập Đồng Vú			0,591		198	117,018	2016	
b	Đoạn 2: tuyến nhà ông Vinh Đen đi nhà ông Phạm Sỹ Đông			0,466		198	92,268	2016	
5	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường bê tông từ giáp tuyến Trinh Văn Nam - Trục Đạo đi cầu 3 Pha				0,495	153	75,735	2016	
6	Sửa chữa các tuyến đường BTXM thôn Trung Bình								
a	Đoạn 1: tuyến nhà ông Nhu đi nhà ông 4 Nghiệm				0,406	153	62,118	2015	
b	Đoạn 2: tuyến Dốc Gò đi nhà ông Võ Ngọc Liễu				0,239	153	36,567	2015	
c	Đoạn 3: tuyến nhà Võ Ngọc Yển đi nhà Võ Thị Phi				0,068	153	10,404	2015	
d	Đoạn 4: tuyến nhà ông Bùi Đức Thành đi nhà bà Nguyễn Thị Xuân				0,111	153	16,983	2016	
e	Đoạn 5: tuyến từ nhà ông Trần Phước Hào đi nhà ông Nguyễn Hữu Quyền, bà Trần Thị Phụng				0,199	153	30,447	2016	
7	Sửa chữa các tuyến đường BTXM xóm 1, thôn Trung Hội								
a	Đoạn 1: tuyến ngã tư nhà ông Cường đi nhà bà Sen			0,470		198	93,060	2016	
b	Đoạn 2: tuyến ngã ba nhà ông Lộc đi nhà ông 6 Cát, nhà 7 Mai			0,448		198	88,704	2016	
XI	XÃ MỸ HÒA	0,000	2,514	0,000	0,000		431,388		
1	Mở rộng tuyến đường từ cống Võ Sỹ Đạo đi Phú Thiện (giai đoạn 2)		0,527			161	84,847	2016	
2	Mở rộng tuyến đường từ đường sắt đến cầu Bằng thôn Phú Thiện (giai đoạn 2)		0,533			161	85,813	2003	
3	Mở rộng tuyến đường từ ngã ba đường ĐT.638 đến giáp trạm điện thôn Hội Phú		0,850			161	136,85	2003	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
4	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ khu vực khai thác đá đến Khu di tích nhà yêu nước Bùi Điền								
a	Sửa chữa, mở rộng đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn		0,138			354	48,852	2016	
b	Mở rộng đoạn còn lại		0,466			161	75,026	2016	
XII	XÃ MỸ HÒA	0,000	5,854	0,000	0,000		813,398		
1	Mở rộng tuyến đường trục chính xã từ nhà ông Long Thọ đến Cầu Đạo Long		1,456			128	186,368	2016	
2	Mở rộng tuyến đường trục chính xã từ đê sông La Tinh đến nhà văn hóa thôn Trinh Long Khánh		1,100			128	140,800	2016	
3	Mở rộng tuyến đường trục chính xã từ ruộng ông Trò đến ĐT.639		1,356			128	173,568	2016	
4	Mở rộng tuyến đường từ quán A đến Cát Minh		0,900			161	144,900	2015	
5	Mở rộng tuyến đường từ quán Lâm đến cầu Bến Đò		1,042			161	167,762	2010	
XIII	XÃ MỸ LỢI	0,000	1,200	0,000	0,000		424,800		
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ Chùa Giác Sanh đến Miếu xóm Kêu		1,200			354	424,800	2002	
Tổng cộng		0,000	35,008	3,556	2,518		8.508,763		

PHỤ LỤC II.07: TÂY SƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN TÂY SƠN

(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ BÌNH HÒA	0,000	1,200	2,070	0,000		603,060		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ Trụ loa đi ra sông, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,220		198	43,560	2002	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ DH28 đi ra nhà ông Võ Văn Ân (Đoạn từ Mộ Võ Xán đến nhà Võ Văn Ân), hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,230		198	45,540	2005	
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐH.28 đi ra nhà ông Nguyễn Văn Thịnh, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,850		198	168,300	2002	
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL19B đến đồng Kỳ Tại, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,770		198	152,460	2004	
5	Tuyến đường từ QL19B đến tuyến đường ĐH.28, hạng mục: Nền, mặt đường BTXM		1,200			161	193,200	2006	
II	XÃ BÌNH TÂN	0,000	0,000	0,000	0,375		57,375		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông 2 Thương đến giáp ngã 3 Thuận Truyền				0,375	153	57,375	2003	
III	XÃ TÂY BÌNH	0,000	0,000	0,000	0,733		112,149		
1	Mở rộng đường từ Nhà văn hóa thôn An Chánh đến ngã tư Gò Giang				0,733	153	112,149	2005	
IV	XÃ TÂY GIANG	0,000	0,000	1,200	0,020		240,660		
1	BTXM đến ruộng bà Nguyễn Xuân Quang				0,020	153	3,060	2012	
2	Từ bàu cây Me đến đường đi Hà Nhe			1,200		198	237,600	2002	
V	XÃ TÂY THUẬN	0,000	0,000	0,000	0,443		67,779		
1	Từ Tỉnh lộ 637 đến Quốc lộ 19				0,443	153	67,779	2012	
VI	XÃ BÌNH TƯỜNG	0,000	0,450	0,000	0,000		72,450		
1	Tuyến đường từ công Trung tâm Nhà văn hóa xã đến nhà ông Anh Hòa Trung		0,450			161	72,450	2012	
Tổng cộng		0,000	1,650	3,270	1,571		1.153,473		

PHỤ LỤC II.08: TUY PHƯỚC

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN TUY PHƯỚC
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ PHƯỚC NGHĨA	0,000	0,000	0,000	0,847		129,591		
1	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa tuyến đường từ cầu Làng đến hang đá vàng				0,847	153	129,591	2015	
II	XÃ PHƯỚC THẮNG	0,000	0,000	0,200	0,000		39,600		
	Sửa chữa bê tông giao thông thôn Phố Đồng								
1	Sửa chữa bê tông giao thông tuyến từ Gò công Làng văn hóa đến ngõ 9 Hồng			0,100		198	19,800	2008	
2	Sửa chữa bê tông giao thông tuyến ngã ba đường liên xóm đến ngõ nhà Hải			0,100		198	19,800	2008	
II	XÃ PHƯỚC THÀNH	0,000	0,000	0,200	0,000		39,600		
1	Nâng cấp mở rộng BTXM đến từ đường họ Trần thôn Cảnh An 2			0,200		198	39,600	2004	
Tổng cộng		0,000	0,000	0,400	0,847		208,791		

PHỤ LỤC II.09: VÂN CANH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN VÂN CANH
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	THỊ TRẤN VÂN CANH	0,000	0,870	0,000	0,000		140,070		
1	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng từ nhà ông 4 Dũng đến giáp đường phía Tây huyện		0,480			161	77,280	2005	
2	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng từ cổng tràn Đắc Dâm đến giáp nhà văn hóa khu phố Đắc Dâm		0,390			161	62,790	2005	
II	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ HUYỆN	0,000	0,610	0,000	0,000		98,210		
1	Nâng cấp mở rộng đường 3 tháng 2 (đoạn từ QL 19C đi nhà ông Bình khu phố Hiệp Giao)		0,610			161	98,210	2006	
Tổng cộng		0,000	1,480	0,000	0,000		238,280		

PHỤ LỤC I.10: VĨNH THẠNH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN VĨNH THẠNH

(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D
I	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUYỆN			0,300	0,300	0,000	0,000	0,000
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT.637 (Trạm 35kV) - Dốc Tum	Từ ĐT.637 (Trạm 35kV)	Dốc Tum		0,300			
II	XÃ VĨNH THỊNH			0,080	0,000	0,080	0,000	0,000
1	BTXM từ đường nội bộ thôn Vĩnh Trường	Đường bê tông hiện trạng	Nhà ông Lộc			0,030		
2	BTXM đường nội bộ thôn Vĩnh Thái	Đường bê tông hiện trạng	Thửa đất ông Hoàng			0,050		
III	XÃ VĨNH HÒA			4,000	1,000	3,000	0,000	0,000
1	Nâng cấp đường sản xuất từ trại bá tài đến đám đảo bá tám	Trại Bá Tài	Đám đảo Bá Tám			0,700		
2	Đường sản xuất từ nhà Phạm Công Xi lên vườn xoài bà nga đến rộc cửa ái	Nhà ông Phạm Công Xi	Ruộc cửa Ái			1,000		
3	BTXM tuyến từ kho đậu cũ ra đồng Quán	Kho đậu cũ	Đồng Quán			0,500		
4	BTXM tuyến từ nhà Đinh Lít đến đất của ông Đinh Doi	Nhà ông Đinh Lít	Đất ông Đinh Doi			0,800		
5	BTXM tuyến Từ đường ĐH 29 nhà Phạm Hồng Linh đến hồ chuối rẫy Đinh Ngân	Đường ĐH 29	Đất rẫy Đinh Ngân		1,000			
Tổng cộng :				4,380	1,300	3,080	0,000	0,000

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	4,380 Km
- Đường GTNT loại A:	1,300 Km
- Đường GTNT loại B:	3,080 Km
- Đường GTNT loại C:	0,000 Km
- Đường GTNT loại D:	0,000 Km
2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:	728,640 Tấn
- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km	257,400 Tấn
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km	471,240 Tấn
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km	0,000 Tấn
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km	0,000 Tấn

PHỤ LỤC II.10: VĨNH THẠNH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2025 - HUYỆN VĨNH THẠNH

(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ VĨNH THỊNH	0,000	5,200	0,000	0,000		705,200		
1	Mở rộng đường BTXM vào khu chăn nuôi		1,200			161	193,200	2016	
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đường ĐH29 đến thôn M3		1,900			128	243,200	2004	
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đường ĐH29 đến thôn M2		2,100			128	268,800	2004	
II	XÃ VĨNH SƠN	0,000	8,300	0,000	0,000		2.938,200		
1	Đường trục xã (từ trung tâm xã đi Kbang - Gia lai)		8,300			354	2.938,200	2011	
Tổng cộng		0,000	13,500	0,000	0,000		3.643,400		